

182. KINH MÃ ÁP (A)

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật du hóa tại nước Ương-kỳ, cùng với đại chúng Tỳ-kheo. Ngài cùng với đại chúng Tỳ-kheo đi đến Mã Áp, ngụ tại Mã Lâm tự.

Bấy giờ, đức Thế Tôn nói với các thầy Tỳ-kheo:

– Người ta thấy các thầy, những vị Sa-môn, là Sa-môn. Nếu có ai hỏi các thầy, những vị Sa-môn thì các thầy có tự xưng là Sa-môn chăng?

Các thầy Tỳ-kheo bạch:

– Bạch Thế Tôn, có!

Đức Phật lại nói:

– Cho nên các thầy chính vì lẽ đó, chính vì là Sa-môn, phải học pháp như thật Sa-môn và pháp như thật Phạm chí. Sau khi đã học pháp như thật Sa-môn và pháp như thật Phạm chí, bấy giờ mới là Sa-môn chân chánh, không phải là Sa-môn hư danh. Nếu có thọ nhận áo chăn, ẩm thực, giường chõng, thuốc thang và các thứ sinh hoạt khác, những người cung cấp ấy được phước lớn, được kết quả lớn, được công đức lớn và được quả báo rộng rãi. Các thầy nên học như vậy.

Thế nào là pháp như thật Sa-môn và pháp như thật Phạm chí? Thân hành thanh tịnh, hướng lên trên để sám hối, khéo léo giữ gìn, không có tỳ vết; nhân nơi thân hành thanh tịnh này mà vẫn không tự đề cao, không khinh chê người, không ô uế, không vẩn đục, được các vị Phạm hạnh có trí khen ngợi. Nếu các thầy nghĩ rằng: “Ta thân hành thanh tịnh, điều cần làm ta đã làm xong, không cần học thêm nữa, đã thành tựu đức nghĩa, không còn làm phận sự Tỳ-kheo”, Ta nói cho các thầy biết, không để các thầy mong cầu cứu cánh của Sa-môn mà lạc mất cứu cánh của Sa-môn.

Như muốn cầu học tiến thêm nữa, Tỳ-kheo nếu thân đã thanh tịnh, lại phải làm những gì? Phải học khẩu hành thanh tịnh, hướng lên trên để sám hối, khéo léo giữ gìn, không có tỳ vết; nhân nơi khẩu hành thanh tịnh này mà vẫn không tự đề cao, không khinh chê người, không ô uế, không vẩn đục, được các vị Phạm hạnh có trí khen ngợi. Nếu các thầy nghĩ rằng: “Ta thân, khẩu hành thanh tịnh, điều cần làm ta đã làm xong, không cần học thêm nữa, đã thành tựu đức nghĩa, không còn làm phận sự Tỳ-kheo”, Ta nói cho các thầy biết, không để các thầy mong cầu cứu cánh của Sa-môn mà lạc mất cứu cánh của Sa-môn.

Như muốn cầu học tiến thêm nữa, Tỳ-kheo nếu thân, khẩu đã thanh tịnh, lại phải làm những gì? Phải học ý hành thanh tịnh, hướng lên trên để sám hối, khéo léo giữ gìn, không có tỳ vết; nhân nơi ý hành thanh tịnh này mà vẫn không tự đề cao, không khinh chê người, không ô uế, không vắn đục, được các vị Phạm hạnh có trí khen ngợi. Nếu các thầy nghĩ rằng: “Ta thân, khẩu, ý hành thanh tịnh, điều cần làm ta đã làm xong, không cần học thêm nữa, đã thành tựu đức nghĩa, không còn làm phạm sự Tỳ-kheo”, Ta nói cho các thầy biết, không để các thầy mong cầu cứu cánh của Sa-môn mà lạc mất cứu cánh của Sa-môn.

Như muốn cầu học tiến thêm nữa, Tỳ-kheo nếu thân, khẩu, ý đã thanh tịnh, lại phải làm những gì? Phải học mạng hành thanh tịnh, hướng lên trên sám hối, khéo léo giữ gìn, không có tỳ vết; nhân nơi mạng hành thanh tịnh này mà vẫn không tự đề cao, không khinh chê người, không ô uế, không vắn đục, được các vị Phạm hạnh có trí khen ngợi. Nếu các thầy nghĩ rằng: “Ta thân, khẩu, ý, mạng hành thanh tịnh, điều cần làm ta đã làm xong, không cần học thêm nữa, đã thành tựu đức nghĩa, không còn làm phạm sự Tỳ-kheo”, Ta nói cho các thầy biết, không để các thầy mong cầu cứu cánh của Sa-môn mà lạc mất cứu cánh của Sa-môn.

Như muốn cầu học tiến thêm nữa, Tỳ-kheo nếu thân, khẩu, ý, mạng đã thanh tịnh, lại phải làm những gì? Tỳ-kheo phải học thủ hộ các căn, thường niệm tưởng sự khép kín, niệm tưởng muốn mình đạt, thủ hộ tâm mà được thành tựu, thường muốn khởi ý nghĩ: Khi mắt thấy sắc, không chấp thủ sắc tướng, không đắm nhiễm sắc vị, nghĩa là vì sự phần tránh mà thủ hộ nhãn căn; trong tâm không sanh tham lam, ưu não, ác bất thiện pháp, vì đề thú hướng đến nơi kia nên thủ hộ nhãn căn. Cũng vậy, tai, mũi, lưỡi, thân; khi ý biết pháp, không chấp thủ pháp tướng, không đắm nhiễm pháp vị, nghĩa là vì sự phần tránh mà thủ hộ ý căn; trong tâm không sanh tham lam, ưu não, ác bất thiện pháp, vì đề thú hướng đến nơi kia nên thủ hộ ý căn. Nếu các thầy nghĩ rằng: “Ta thân, khẩu, ý, mạng hành thanh tịnh, thủ hộ các căn, điều cần làm ta đã làm xong, không cần học thêm nữa, đã thành tựu đức nghĩa, không còn làm phạm sự Tỳ-kheo”, Ta nói cho các thầy biết, không để các thầy mong cầu cứu cánh của Sa-môn mà lạc mất cứu cánh của Sa-môn.

Như muốn cầu học tiến thêm nữa, Tỳ-kheo nếu thân, khẩu, ý, mạng đã thanh tịnh, đã thủ hộ các căn, lại phải làm những gì? Tỳ-kheo phải học biết rõ ràng sự ra vào, khéo quán sát, phân biệt; sự co duỗi, cúi ngược, nghi dung chừng chạc; khéo đắp Tăng-già-lê và các y bát; đi, đứng, ngồi, nằm, ngủ, thức, nói năng hay im lặng, đều có chánh tri. Nếu các thầy nghĩ rằng: “Ta thân, khẩu, ý, mạng hành thanh tịnh, thủ hộ các căn, biết rõ ràng sự ra vào, điều cần làm ta đã làm xong, không cần học thêm nữa, đã thành tựu đức nghĩa, không còn làm phạm sự Tỳ-kheo”, Ta nói cho các thầy biết, không để các thầy mong cầu cứu cánh của Sa-môn mà lạc mất cứu cánh của Sa-môn.

Như muốn cầu học tiến thêm nữa, Tỳ-kheo nếu thân, khẩu, ý, mạng hành thanh tịnh, đã thủ hộ các căn, đã biết rõ sự ra vào, lại phải làm những gì? Tỳ-kheo phải học sống cô độc tại nơi xa vắng, ở trong rừng vắng, nơi gốc cây, những nơi không nhân yên tĩnh, sườn non, động đá, đất trống, lùm cây, hoặc trong rừng, hoặc giữa bãi tha ma. Vị ấy sau khi ở trong rừng vắng, hoặc nơi gốc cây, những nơi vắng vẻ, thanh nhàn, yên tĩnh, trải ni-sư-đàn, ngồi kiết-già, chánh thân, chánh nguyện, hướng niệm nội tâm, đoạn trừ tâm tham lam, không có não hại, thấy tài vật và các nhu dụng sanh sống của người khác mà không khởi lòng tham muốn khiến về mình; vị ấy đối với sự tham lam, tâm đã tịnh trừ. Cũng vậy, sân nhuế, thùy miên, trạo hối; đoạn nghi trừ hoặc, đối với các thiện pháp không có do dự; vị ấy đối với sự nghi hoặc, tâm đã tịnh trừ. Vị ấy đã đoạn trừ năm triền cái, những thứ làm tâm ô uế, tuệ yếu kém, ly dục, ly pháp ác, bất thiện, cho đến chứng đắc Thiền thứ tư, thành tựu an trú.

Tỳ-kheo với định tâm như vậy, thanh tịnh, không ô uế, không phiền nhiệt, nhu nhuyến, khéo an trú, chứng đắc tâm bất động, thú hưởng đến sự tác chứng Lậu tận trí thông. Vị ấy liền biết như thật rằng: Đây là khổ, đây là khổ tập, đây là khổ diệt, đây là khổ diệt đạo; cũng biết như thật: Đây là lậu, đây là lậu tập, đây là lậu diệt, đây là lậu diệt đạo. Vị Tỳ-kheo ấy đã biết như vậy, thấy như vậy rồi, tâm giải thoát dục lậu, tâm giải thoát hữu lậu, vô minh lậu; giải thoát rồi liền biết là mình đã giải thoát, biết như thật rằng: “Sự sanh đã dứt, Phạm hạnh đã vững, điều cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa.” Ta nói vị ấy là Sa-môn, là Phạm chí, là Thánh, là Tịnh dục.

Thế nào gọi là Sa-môn? Là người đã dứt trừ các pháp ác, pháp bất thiện, các lậu ô uế, là gốc rễ của sự hữu trong tương lai, là sự phiền nhiệt, là nhân của khổ báo, của sanh, lão, bệnh, tử. Đó gọi là Sa-môn.

Thế nào gọi là Phạm chí? Là người xa lìa các pháp ác, pháp bất thiện, các lậu ô uế, là gốc rễ của sự hữu trong tương lai, là sự phiền nhiệt, là nhân của khổ báo, của sanh, lão, bệnh, tử. Đó gọi là Phạm chí.

Thế nào gọi là Thánh? Là người xa lìa các pháp ác, pháp bất thiện, các lậu ô uế, là gốc rễ của sự hữu trong tương lai, là sự phiền nhiệt, là nhân của khổ báo, của sanh, lão, bệnh, tử. Đó gọi là Thánh.

Thế nào gọi là Tịnh dục? Là người đã tắm rửa sạch các pháp ác, pháp bất thiện, các lậu ô uế, là gốc rễ của hữu trong tương lai, là sự phiền nhiệt, là nhân của khổ báo, của sanh, lão, bệnh, tử. Đó gọi là Tịnh dục.

Chính vì vậy nên gọi là Sa-môn, là Phạm chí, là Thánh, là Tịnh dục.

Đức Phật thuyết như vậy, các Tỳ-kheo ấy sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

183. KINH MÃ ẤP (B)

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật du hóa tại nước Ương-kỳ, cùng với đại chúng Tỳ-kheo. Ngài cùng với đại chúng Tỳ-kheo đi đến Mã Ấp, ngụ tại Mã Lâm tự.

Bấy giờ, đức Thế Tôn nói với các thầy Tỳ-kheo:

– Người ta thấy các thầy, những vị Sa-môn, là Sa-môn. Nếu có ai hỏi các thầy, những vị Sa-môn thì các thầy có tự xưng mình là Sa-môn chăng?

Các thầy Tỳ-kheo bạch:

– Bạch Thế Tôn, có!

Đức Phật lại nói:

– Cho nên các thầy chính vì lẽ đó, chính vì là Sa-môn, phải học đạo hạnh của Sa-môn, đừng không phải là Sa-môn. Sau khi đã học đạo hạnh của Sa-môn, bấy giờ mới là Sa-môn chân chánh, không phải là Sa-môn hư danh. Nếu có thọ nhận áo chăn, ẩm thực, giường chõng, thuốc thang, và các thứ sinh hoạt khác thì những người cung cấp mới được phước lớn, được kết quả lớn, được công đức lớn và được quả báo rộng rãi. Các thầy nên học như vậy.

Thế nào là không phải đạo hạnh của Sa-môn, không phải là Sa-môn? Có tham lam, không bỏ tham lam; có nóng giận, không bỏ nóng giận; có sân hận, không bỏ sân hận; có oán hờn, không bỏ oán hờn; có kết oán, không bỏ kết oán; có bòn xén, không bỏ bòn xén; có tật đố, không bỏ tật đố; có dua nịnh, không bỏ dua nịnh; có lường gạt, không bỏ lường gạt; có tật không biết xấu, không bỏ tật không biết xấu; có tánh không biết thẹn, không bỏ tánh không biết thẹn; có ác dục, không bỏ ác dục; có tà kiến, không bỏ tà kiến. Sa-môn đó gọi là Sa-môn ô uế, là Sa-môn du siểm, là Sa-môn trá ngụy, là Sa-môn bất chính; họ sẽ sanh đến chỗ ác, chưa học hết bốn phạm, không phải là đạo hạnh Sa-môn, không phải là Sa-môn.

Cũng như cái búa mới rèn rất bén, đầu có mũi nhọn, bỏ trong Tăng-già-lê, Ta nói những người ngu si học đạo Sa-môn kia cũng như vậy. Nghĩa là có tham lam, không bỏ tham lam; có nóng giận, không bỏ nóng giận; có sân hận, không bỏ sân hận; có oán hờn, không bỏ oán hờn; có kết oán, không bỏ kết oán; có bòn xén, không bỏ bòn xén; có tật đố, không bỏ tật đố; có dua nịnh, không bỏ dua nịnh; có lường gạt, không bỏ lường gạt; có tật không biết xấu, không bỏ tật không biết xấu; có tánh không biết thẹn, không bỏ tánh không biết thẹn; có ác

dục, không bỏ ác dục; có tà kiến, không bỏ tà kiến; dù họ khoác Tăng-già-lê, Ta không nói họ là Sa-môn. Nếu ai đắp Tăng-già-lê mà có tham lam thì bỏ tham lam, có nóng giận thì bỏ nóng giận, có sân hận thì bỏ sân hận, có oán hờn thì bỏ oán hờn, có kết oán thì bỏ kết oán, có bồn xén thì bỏ bồn xén, có tật đố thì bỏ tật đố, có dua nịnh thì bỏ dua nịnh, có lường gạt thì bỏ lường gạt, có tật không biết xấu thì bỏ tật không biết xấu, có tánh không biết thẹn thì bỏ tánh không biết thẹn, có ác dục thì bỏ ác dục, có tà kiến thì bỏ tà kiến thì bạn bè thân thiết của người ấy nên đến nói với người ấy rằng: “Này chú, chú hãy học cách đắp Tăng-già-lê. Này chú, nếu chú học cách đắp Tăng-già-lê mà có tham lam thì bỏ tham lam, có nóng giận thì bỏ nóng giận, có sân hận thì bỏ sân hận, có oán hờn thì bỏ oán hờn, có kết oán thì bỏ kết oán, có bồn xén thì bỏ bồn xén, có tật đố thì bỏ tật đố, có dua nịnh thì bỏ dua nịnh, có lường gạt thì bỏ lường gạt, có tật không biết xấu thì bỏ tật không biết xấu, có tánh không biết thẹn thì bỏ tánh không biết thẹn, có ác dục thì bỏ ác dục, có tà kiến thì bỏ tà kiến.” Bởi vì Ta thấy người đắp Tăng-già-lê mà vẫn có tham lam, nóng giận, sân hận, oán hờn, kết oán, bồn xén, tật đố, dua nịnh, lường gạt, không biết xấu, không biết thẹn, ác dục và tà kiến; cho nên người đắp Tăng-già-lê ấy, Ta không nói là Sa-môn. Cũng như vậy, lỏa hình, bện tóc đứng thẳng, ăn một bữa, thường tung nước, tắm nước; những Sa-môn có hạnh như vậy, Ta cũng không chấp nhận là Sa-môn. Nếu Sa-môn do tắm nước mà có tham lam bỏ tham lam, có nóng giận bỏ nóng giận, có sân hận bỏ sân hận, có oán hờn bỏ oán hờn, có kết oán bỏ kết oán, có bồn xén bỏ bồn xén, có tật đố bỏ tật đố, có dua nịnh bỏ dua nịnh, có lường gạt bỏ lường gạt, có tật không biết xấu bỏ tật không biết xấu, có tánh không biết thẹn bỏ tánh không biết thẹn, có ác dục bỏ ác dục, có tà kiến bỏ tà kiến thì bạn bè thân thiết của người ấy nên đến bảo với người ấy: “Này chú, chú nên tắm nước, vì do tắm nước mà có tham lam bỏ tham lam, có nóng giận bỏ nóng giận, có sân hận bỏ sân hận, có oán hờn bỏ oán hờn, có kết oán bỏ kết oán, có bồn xén bỏ bồn xén, có tật đố bỏ tật đố, có dua nịnh bỏ dua nịnh, có lường gạt bỏ lường gạt, có tật không biết xấu bỏ tật không biết xấu, có tánh không biết thẹn bỏ tánh không biết thẹn, có ác dục bỏ ác dục, có tà kiến bỏ tà kiến.” Bởi vì Ta thấy có người tắm nước mà vẫn có tham lam, nóng giận, sân hận, oán hờn, kết oán, bồn xén, tật đố, dua nịnh, lường gạt, không biết xấu, không biết thẹn, ác dục và tà kiến; cho nên người tắm nước ấy, Ta không chấp nhận là Sa-môn. Đó gọi là không phải đạo hạnh của Sa-môn, không phải là Sa-môn.

Thế nào là đạo hạnh của Sa-môn, chẳng phải không là Sa-môn? Nếu có tham lam bỏ tham lam, có nóng giận bỏ nóng giận, có sân hận bỏ sân hận, có oán hờn bỏ oán hờn, có kết oán bỏ kết oán, có bồn xén bỏ bồn xén, có tật đố bỏ tật đố, có dua nịnh bỏ dua nịnh, có lường gạt bỏ lường gạt, có tật không biết xấu bỏ tật không biết xấu, có tánh không biết thẹn bỏ tánh không biết thẹn, có ác dục bỏ ác dục, có tà kiến bỏ tà kiến. Sự tật đố ấy của Sa-môn, sự dua nịnh

của Sa-môn, sự trá ngụy của Sa-môn, sự tà kiến của Sa-môn đưa đến chỗ dữ đều đã bị dứt sạch, rồi học đạo hạnh của Sa-môn. Vị ấy như vậy không phải không là Sa-môn. Đó là đạo hạnh của Sa-môn, không phải không là Sa-môn. Vị ấy như vậy thành tựu giới, thân thanh tịnh, miệng, ý thanh tịnh, không tham lam, trong tâm không có sân nhuế, không có thùy miên, không trạo cử, không kiêu ngạo, đoạn nghi, trừ hoặc, chánh niệm, chánh trí, không ngu si. Tâm vị ấy đi đôi với từ, biến mãn một phương, thành tựu an trú. Cũng vậy, hai, ba, bốn phương, phương trên, phương dưới và bốn phương bàng, khắp tất cả, tâm của vị ấy đi đôi với từ, không kết không oán, không giận không tranh, rất rộng rất lớn, tu vô lượng thiện, biến mãn tất cả thế gian, thành tựu an trú. Cũng vậy, tâm bi, tâm hỷ đi đôi với xả, không kết không oán, không giận không tranh, rất rộng rất lớn, tu vô lượng thiện, biến mãn tất cả thế gian, thành tựu an trú. Vị ấy tự nghĩ: “Có thô, có diệu, có tướng, đến trên, xuất yếu, biết như thật.” Sau khi biết như vậy, thấy như vậy, tâm giải thoát dục lậu, tâm giải thoát hữu lậu và vô minh lậu. Sau khi đã giải thoát, vị ấy biết mình đã giải thoát: “Sự sanh đã dứt, Phạm hạnh đã vững, điều cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa.” Vị ấy biết đúng như thật.

Cũng như cách làng nọ không xa, có ao tắm tốt, nước trong chảy tràn, cỏ xanh phủ bờ, cây hoa bốn phía. Giả sử có một người từ phương Đông đến, bị đói khát, mệt mỏi, cởi áo bỏ trên bờ, xuống ao, mặc sức tắm rửa sạch bụi nhơ, trừ khử nóng bức và khát. Phương Nam, phương Tây, phương Bắc cũng vậy, giả sử có một người từ các phương đó đến, bị đói khát, mệt mỏi, cởi áo bỏ trên bờ, xuống ao, mặc sức tắm rửa sạch bụi nhơ, trừ khử nóng bức và khát. Cũng vậy, một thiện nam tử dòng Sát-đế-lợi cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo, nội tâm tu tĩnh chỉ, khiến được nội tâm tĩnh chỉ. Vị này nội tâm tĩnh chỉ, Ta nói vị ấy là Sa-môn, là Phạm chí, là Thánh, là Tịnh dục. Cũng vậy, một thiện nam tử dòng Phạm chí, cư sĩ, công sư, cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo, nội tâm tu tĩnh chỉ, khiến được nội tâm tĩnh chỉ. Người với nội tâm tĩnh chỉ, Ta nói người ấy là Sa-môn, là Phạm chí, là Thánh, là Tịnh dục.

Thế nào gọi là Sa-môn? Là người đã dứt trừ các pháp ác, pháp bất thiện, các lậu ô uế, chúng là gốc rễ của hữu trong tương lai, là nhân của phiền não, khổ báo, sanh, lão, bệnh, tử. Đó gọi là Sa-môn.

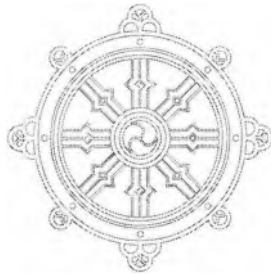
Thế nào gọi là Phạm chí? Là người xa lìa các pháp ác, pháp bất thiện, các lậu ô uế, chúng là gốc rễ của hữu trong tương lai, là nhân của phiền não, khổ báo, sanh, lão, bệnh, tử. Đó gọi là Phạm chí.

Thế nào gọi là Thánh? Là người xa lìa các pháp ác, pháp bất thiện, các lậu ô uế, chúng là gốc rễ của hữu trong tương lai, là nhân của phiền não, khổ báo, sanh, lão, bệnh, tử. Đó gọi là Thánh.

Thế nào gọi là Tịnh dục? Là người đã rửa sạch các pháp ác, pháp bất thiện, các lậu ô uế, chúng là gốc rễ của hữu trong tương lai, là nhân của phiền nhiệt, khổ báo, sanh, lão, bệnh, tử. Đó gọi là Tịnh dục.

Như thế gọi là Sa-môn, là Phạm chí, là Thánh, là Tịnh dục.

Đức Phật thuyết giảng như vậy, các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.



184. KINH NGƯU GIÁC SA-LA LÂM (A)

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật du hóa đến Bạt-kỳ-sấu, trong rừng Ngưu Giác Sa-la, cùng với số đông các Tỳ-kheo Thượng tôn tri thức đại đệ tử như Tôn giả Xá-lợi-tử, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên, Tôn giả Đại Ca-diếp, Tôn giả Đại Ca-chiên-diên, Tôn giả A-na-luật-đà, Tôn giả Ly-việt-đa, Tôn giả A-nan. Các Tỳ-kheo đại đệ tử là những vị Thượng tôn tri thức như vậy cũng cùng đi đến Bạt-kỳ-sấu, trong rừng Ngưu Giác Sa-la, ở gần bên tịnh thất lá của Phật.

Bấy giờ, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên, Tôn giả Đại Ca-diếp, Tôn giả Đại Ca-chiên-diên, Tôn giả A-na-luật-đà, sau khi đêm đã qua, vào buổi sáng sớm, đi đến chỗ Tôn giả Xá-lợi-tử. Tôn giả A-nan từ xa trông thấy các bậc Thượng tôn đã đi, liền bạch:

– Hiền giả Ly-việt-đa, nên biết các Tôn giả Đại Mục-kiền-liên, Tôn giả Đại Ca-diếp, Tôn giả Đại Ca-chiên-diên, Tôn giả A-na-luật-đà, sau khi đêm đã qua, vào buổi sáng sớm, đi đến chỗ Tôn giả Xá-lợi-tử. Hiền giả Ly-việt-đa, bây giờ chúng ta có thể cùng với các bậc Thượng tôn đi đến chỗ Tôn giả Xá-lợi-tử, hoặc giả có thể nhân cơ hội này mà được nghe pháp ít nhiều nơi Tôn giả Xá-lợi-tử.

Lúc ấy, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên, Tôn giả Đại Ca-diếp, Tôn giả Đại Ca-chiên-diên, Tôn giả A-na-luật-đà, Tôn giả Ly-việt-đa, Tôn giả A-nan, sau khi đêm đã qua, vào buổi sáng sớm, đi đến chỗ Tôn giả Xá-lợi-tử. Tôn giả Xá-lợi-tử từ xa thấy các bậc Thượng tôn đã đến. Tôn giả Xá-lợi-tử nhân thấy các bậc Thượng tôn ấy nên nói:

– Kính chào Hiền giả A-nan! Kính chào Hiền giả A-nan! Kính chào Hiền giả A-nan! Người là thị giả của Thế Tôn, hiểu được ý nghĩa, thường được đức Thế Tôn và các bậc trí tuệ Phạm hạnh khen ngợi. Nay tôi có lời hỏi Hiền giả A-nan: Khả ái thay rừng Ngưu Giác Sa-la này! Ban đêm có trăng sáng, các cây sa-la đều tỏa hương thơm ngát ví như hoa trời. Hiền giả A-nan, những hạng Tỳ-kheo nào làm rực sáng khu rừng Ngưu Giác Sa-la?

Tôn giả A-nan đáp:

– Tôn giả Xá-lợi-tử, nếu có Tỳ-kheo học rộng, nghe nhiều, nhớ mãi không quên, tích lũy sự nghe nhiều. Với những pháp đoạn đầu vi diệu, đoạn giữa vi diệu và đoạn cuối cũng vi diệu, có nghĩa, có văn, đầy đủ thanh tịnh, hiển hiện Phạm hạnh; những pháp như vậy được vị ấy học rộng, nghe nhiều, tập luyện

đến ngàn lần, chú ý tư duy, quán sát, thấy rõ, hiểu sâu. Vị ấy thuyết pháp gọn gàng, lưu loát, hoàn toàn tương ưng với mục đích đoạn trừ các kiết sử. Tôn giả Xá-lợi-tử, vị Tỳ-kheo như vậy làm rực sáng khu rừng Nguru Giác Sa-la này.

Tôn giả Xá-lợi-tử hỏi:

– Hiền giả Ly-việt-đa, Hiền giả A-nan đã nói theo hiểu biết của mình. Bây giờ, tôi hỏi Hiền giả Ly-việt-đa: Khả ái thay khu rừng Nguru Giác Sa-la này! Ban đêm có trăng sáng, các cây sa-la đều tỏa hương thơm ngát ví như hoa trời. Hiền giả Ly-việt-đa, hạng Tỳ-kheo nào làm rực sáng khu rừng Nguru Giác Sa-la?

Tôn giả Ly-việt-đa đáp:

– Tôn giả Xá-lợi-tử, nếu có Tỳ-kheo ưa yên tọa, bên trong thực hành phương pháp chỉ tức, không bỏ tọa thiền, thành tựu quán tưởng, thường thích nhàn cư, ưa chỗ yên tĩnh. Tôn giả Xá-lợi-tử, vị Tỳ-kheo như vậy làm rực sáng khu rừng Nguru Giác Sa-la.

Tôn giả Xá-lợi-tử lại hỏi:

– Hiền giả A-na-luật-đa, Hiền giả Ly-việt-đa Tỳ-kheo đã nói theo sự hiểu biết của mình. Bây giờ, tôi hỏi Hiền giả A-na-luật-đa: Khả ái thay khu rừng Nguru Giác Sa-la này! Ban đêm có trăng sáng, các cây sa-la đều tỏa hương thơm ngát ví như hoa trời. Hiền giả A-na-luật-đa, hạng Tỳ-kheo nào làm rực sáng khu rừng Nguru Giác Sa-la?

Tôn giả A-na-luật-đa đáp:

– Tôn giả Xá-lợi-tử, nếu có Tỳ-kheo đạt được thiên nhãn, thành tựu thiên nhãn, ở trong một ngàn thế giới, với một ít phương tiện, vị ấy trong chốc lát có thể thấy tất cả. Tôn giả Xá-lợi-tử, ví như người có mắt ở trên lầu cao nhìn xuống khu đất trống có một ngàn gò nông, với một ít phương tiện, vị ấy trong chốc lát có thể thấy tất cả. Tôn giả Xá-lợi-tử, cũng vậy, nếu Tỳ-kheo có được thiên nhãn, thành tựu thiên nhãn, ở trong một ngàn thế giới, với một ít phương tiện, vị ấy trong chốc lát có thể thấy tất cả. Tôn giả Xá-lợi-tử, vị Tỳ-kheo như vậy làm rực sáng khu rừng Nguru Giác Sa-la.

Tôn giả Xá-lợi-tử lại hỏi:

– Hiền giả Ca-chiên-diên, Hiền giả A-na-luật-đa Tỳ-kheo đã nói theo sự hiểu biết của mình. Bây giờ, tôi hỏi Hiền giả Ca-chiên-diên: Khả ái thay khu rừng Nguru Giác Sa-la này! Ban đêm có trăng sáng, các cây sa-la đều tỏa hương thơm ngát ví như hoa trời. Hiền giả Ca-chiên-diên, những hạng Tỳ-kheo nào làm rực sáng khu rừng Nguru Giác Sa-la?

Tôn giả Ca-chiên-diên đáp:

– Tôn giả Xá-lợi-tử, ví như hai Tỳ-kheo pháp sư cùng bàn luận về nghĩa lý thâm áo của A-tỳ-đàm; những điều được hỏi đều được thấu hiểu tường tận, những lời giải đáp thì thông suốt, sự thuyết pháp thì lưu loát. Tôn giả Xá-lợi-tử, vị Tỳ-kheo như vậy làm rực sáng khu rừng Nguru Giác Sa-la.

Tôn giả Xá-lợi-tử lại hỏi:

– Tôn giả Đại Ca-diếp, Hiền giả Ca-chiên-diên Tỳ-kheo đã nói theo sự hiểu biết của mình. Bây giờ, tôi hỏi Tôn giả Đại Ca-diếp: Khả ái thay khu rừng Ngưu Giác Sa-la này! Ban đêm có trắng sáng, các cây sa-la đều tỏa hương thơm ngát ví như hoa trời. Hiền giả Đại Ca-diếp, những hạng Tỳ-kheo nào làm rực sáng khu rừng Ngưu Giác Sa-la?

Tôn giả Đại Ca-diếp đáp:

– Hiền giả Xá-lợi-tử, nếu có Tỳ-kheo tự mình vô sự, khen ngợi ở nơi vô sự; tự mình có thiếu dục, khen ngợi sự thiếu dục; tự mình tri túc, khen ngợi sự tri túc; tự mình thích sống cô độc viễn ly, khen ngợi sự thích sống cô độc viễn ly; tự mình tu hành tinh tấn, khen ngợi sự tu hành tinh tấn; tự mình lập chánh niệm, chánh trí, khen ngợi sự lập chánh niệm, chánh trí; tự mình đắc định, khen ngợi sự đắc định; tự mình có trí tuệ, khen ngợi sự có trí tuệ; tự mình các lậu đã sạch, khen ngợi các lậu đã sạch; tự mình khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ, khen ngợi khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ. Hiền giả Xá-lợi-tử, vị Tỳ-kheo như vậy làm rực sáng khu rừng Ngưu Giác Sa-la.

Tôn giả Xá-lợi-tử lại hỏi:

– Hiền giả Mục-kiền-liên, Tôn giả Đại Ca-diếp đã nói theo sự hiểu biết của mình. Bây giờ, tôi hỏi Hiền giả Mục-kiền-liên: Khả ái thay khu rừng Ngưu Giác Sa-la này! Ban đêm có trắng sáng, các cây sa-la đều tỏa hương thơm ngát ví như hoa trời. Hiền giả Mục-kiền-liên, những hạng Tỳ-kheo nào làm rực sáng khu rừng Ngưu Giác Sa-la?

Tôn giả Đại Mục-kiền-liên đáp:

– Tôn giả Xá-lợi-tử, nếu có Tỳ-kheo có đại như ý túc, có đại oai đức, có đại phước hựu, có đại oai thần, được tự tại vô lượng như ý túc; thực hành vô lượng như ý túc, có thể biến một thành nhiều, hợp nhiều thành một, một ở vị trí của một, có thể biết, có thể thấy, xuyên qua vách đá như hư không, không ngăn ngại, ra vào trong đất dễ như nước, đi trên nước như đi trên đất mà không bị chìm, bay lên không trung mà ngồi kiết-già như loài chim; ngay đối với mặt trăng và mặt trời có đại như ý túc, có đại phước hựu, có đại oai thần, vị ấy đưa tay sờ được, thân cao đến trời Phạm thiên. Tôn giả Xá-lợi-tử, vị Tỳ-kheo như vậy làm rực sáng khu rừng Ngưu Giác Sa-la.

Tôn giả Đại Mục-kiền-liên hỏi:

– Tôn giả Xá-lợi-tử, tôi và các bậc Thượng tôn mỗi người đã tự nói theo sự hiểu biết của mình. Bây giờ, tôi hỏi Tôn giả Xá-lợi-tử: Khả ái thay rừng Ngưu Giác Sa-la này! Ban đêm có trắng sáng, các cây sa-la đều tỏa hương thơm ngát ví như hoa trời. Tôn giả Xá-lợi-tử, những hạng Tỳ-kheo nào làm rực sáng khu rừng Ngưu Giác Sa-la?

Tôn giả Xá-lợi-tử đáp:

– Hiền giả Mục-kiền-liên, nếu có Tỳ-kheo tùy dụng tâm tự tại chứ không phải không tùy tâm; nếu muốn an trú định vào buổi sáng, vị ấy liền an trú định vào buổi sáng; nếu muốn an trú định vào buổi trưa hay buổi chiều, vị ấy liền an trú định vào buổi trưa hay buổi chiều. Hiền giả Mục-kiền-liên, ví như y phục của vua và các quan rất nhiều màu sắc rực rỡ; nếu họ muốn mặc thứ nào vào buổi sáng, liền lấy mặc vào; nếu họ muốn mặc thứ nào vào buổi trưa hay buổi chiều, liền lấy mặc vào. Hiền giả Mục-kiền-liên, cũng vậy, nếu có Tỳ-kheo nào tùy dụng tâm tự tại chứ không phải không tùy tâm; nếu muốn an trú định vào buổi sáng, vị ấy liền an trú định vào buổi sáng; nếu muốn an trú định vào buổi trưa hay buổi chiều, vị ấy liền an trú định vào buổi trưa hay buổi chiều. Hiền giả Mục-kiền-liên, vị Tỳ-kheo như vậy làm rực sáng khu rừng Ngưu Giác Sa-la.

Tôn giả Xá-lợi-tử bảo:

– Hiền giả Mục-kiền-liên, tôi và chư Hiền mỗi người đã nói theo sự hiểu biết của mình. Hiền giả Mục-kiền-liên, chúng ta hãy cùng với chư Hiền đi đến chỗ Phật để biết trong những điều vừa thảo luận ấy, vị nào nói đúng.

Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-tử, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên, Tôn giả Đại Ca-diếp, Tôn giả Đại Ca-chiên-diên, Tôn giả A-na-luật-đà, Tôn giả Ly-việt-đa, Tôn giả A-nan, tất cả cùng đi đến chỗ Phật. Các Tôn giả đều cúi đầu lễ sát chân Phật rồi ngồi qua một bên. Tôn giả A-nan cúi đầu lễ sát chân Phật rồi lui đứng một bên. Tôn giả Xá-lợi-tử bạch:

– Bạch Thế Tôn, hôm nay có Hiền giả Mục-kiền-liên, Hiền giả Đại Ca-diếp, Hiền giả Ca-chiên-diên, Hiền giả A-na-luật-đà, Hiền giả Ly-việt-đa, Hiền giả A-nan, vào buổi sáng sớm tất cả đều đi đến chỗ con. Con thấy chư Hiền đến, nhân đó mới nói rằng: “Kính chào Hiền giả A-nan! Kính chào Hiền giả A-nan! Kính chào Hiền giả A-nan! Người là thị giả của Thế Tôn, hiểu được ý nghĩ của Thế Tôn, thường được Thế Tôn và các bậc trí tuệ Phạm hạnh khen ngợi.”

Lúc ấy, con hỏi Hiền giả A-nan rằng: “Khả ái thay khu rừng Ngưu Giác Sa-la này! Ban đêm có trăng sáng, các cây sa-la đều tỏa hương thơm ngát ví như hoa trời. Hiền giả A-nan, những hạng Tỳ-kheo nào làm rực sáng khu rừng Ngưu Giác Sa-la?”

Tôn giả A-nan đáp: “Tôn giả Xá-lợi-tử, nếu có Tỳ-kheo học rộng, nghe nhiều, nhớ mãi không quên, tích lũy sự nghe nhiều. Với những pháp đoạn đầu vi diệu, đoạn giữa vi diệu và đoạn cuối cũng vi diệu, có nghĩa, có văn, đầy đủ, thanh tịnh, hiển hiện Phạm hạnh; những pháp như vậy được vị ấy học rộng, nghe nhiều, tập luyện đến ngàn lần, chú ý tư duy, quán sát, hiểu sâu; vị ấy thuyết pháp gọn gàng, lưu loát, hoàn toàn tương ứng với mục đích đoạn trừ các kiết sử. Tôn giả Xá-lợi-tử, vị Tỳ-kheo như vậy làm rực sáng khu rừng Ngưu Giác Sa-la này.”

Thế Tôn khen rằng:

– Lành thay! Lành thay! Xá-lợi-tử, đúng như lời Tỳ-kheo A-nan đã nói. Vì sao? Vì Tỳ-kheo A-nan đã thành tựu đa văn.

Tôn giả Xá-lợi-tử bạch:

– Bạch Thế Tôn, Hiền giả A-nan nói như vậy rồi, con lại hỏi Hiền giả Ly-việt-đa: “Hiền giả Ly-việt-đa, Hiền giả A-nan đã nói theo hiểu biết của mình. Bây giờ, tôi hỏi Hiền giả Ly-việt-đa: Khả ái thay khu rừng Ngưu Giác Sa-la này! Ban đêm có trăng sáng, các cây sa-la đều tỏa hương thơm ngát ví như hoa trời. Hiền giả Ly-việt-đa, những hạng Tỳ-kheo nào làm rực sáng khu rừng Ngưu Giác Sa-la?”

Hiền giả Ly-việt-đa liền đáp lời con rằng: “Tôn giả Xá-lợi-tử, nếu có Tỳ-kheo ưa tĩnh tọa, bên trong thực hành phương pháp chỉ tức, không bỏ tọa thiền, thành tựu quán tưởng, thường thích nhàn cư, ưa chỗ yên tĩnh. Tôn giả Xá-lợi-tử, vị Tỳ-kheo như vậy làm rực sáng khu rừng Ngưu Giác Sa-la.”

Thế Tôn khen rằng:

– Lành thay! Lành thay! Xá-lợi-tử, đúng như lời Tỳ-kheo Ly-việt-đa đã nói. Vì sao? Vì Tỳ-kheo Ly-việt-đa thích tọa thiền.

Tôn giả Xá-lợi-tử bạch:

– Bạch Thế Tôn, Hiền giả Ly-việt-đa nói như vậy rồi, con lại hỏi Hiền giả A-na-luật-đa: “Hiền giả Ly-việt-đa đã nói theo sự hiểu biết của mình. Bây giờ, tôi hỏi Hiền giả A-na-luật-đa: Khả ái thay khu rừng Ngưu Giác Sa-la này! Ban đêm có trăng sáng, các cây sa-la đều tỏa hương thơm ngát ví như hoa trời. Hiền giả A-na-luật-đa, những hạng Tỳ-kheo nào làm rực sáng khu rừng Ngưu Giác Sa-la?”

Hiền giả A-na-luật-đa liền đáp lại con rằng: “Tôn giả Xá-lợi-tử, Tỳ-kheo đạt được thiên nhãn, thành tựu thiên nhãn, ở một ngàn thế giới, với một ít phương tiện, trong chốc lát có thể thấy tất cả. Tôn giả Xá-lợi-tử, ví như người có mắt ở trên lầu cao nhìn xuống khu đất trống có một ngàn gò nông, với một ít phương tiện, trong chốc lát có thể thấy tất cả. Tôn giả Xá-lợi-tử, cũng vậy, nếu Tỳ-kheo có được thiên nhãn, thành tựu thiên nhãn, ở trong một ngàn thế giới, với một ít phương tiện, trong chốc lát có thể thấy tất cả. Tôn giả Xá-lợi-tử, vị Tỳ-kheo như vậy làm rực sáng khu rừng Ngưu Giác Sa-la.”

Thế Tôn khen rằng:

– Lành thay! Lành thay! Xá-lợi-tử, đúng như lời Tỳ-kheo A-na-luật-đa đã nói. Vì sao? Vì A-na-luật-đa Tỳ-kheo đã thành tựu thiên nhãn.

Tôn giả Xá-lợi-tử bạch:

– Bạch Thế Tôn, Hiền giả A-na-luật-đa nói như vậy rồi, con lại hỏi Hiền giả Ca-chiên-diên: “Hiền giả A-na-luật-đa đã nói theo sự hiểu biết của mình.

Bây giờ, tôi hỏi Hiền giả Ca-chiên-diên: Khả ái thay khu rừng Ngưu Giác Sa-la này! Ban đêm có trăng sáng, các cây sa-la đều tỏa hương thơm ngát ví như hoa trời. Hiền giả Ca-chiên-diên, những hạng Tỳ-kheo nào làm rực sáng khu rừng Ngưu Giác Sa-la?”

Hiền giả Ca-chiên-diên liền đáp lại con rằng: “Tôn giả Xá-lợi-tử, ví như hai Tỳ-kheo pháp sư cùng bàn luận về nghĩa lý thâm áo của A-tỳ-đàm; những điều được hỏi đều được thấu hiểu tường tận, những lời giải đáp thì thông suốt, sự thuyết pháp thì lưu loát. Tôn giả Xá-lợi-tử, vị Tỳ-kheo như vậy làm rực sáng khu rừng Ngưu Giác Sa-la.”

Thế Tôn khen rằng:

– Lành thay! Lành thay! Xá-lợi-tử, đúng như lời Tỳ-kheo Ca-chiên-diên đã nói. Vì sao? Vì Ca-chiên-diên Tỳ-kheo là phân biệt Pháp sư.

Tôn giả Xá-lợi-tử bạch:

– Bạch Thế Tôn, Hiền giả Ca-chiên-diên nói như vậy rồi, con lại hỏi Tôn giả Đại Ca-diếp: “Hiền giả Ca-chiên-diên Tỳ-kheo đã nói theo sự hiểu biết của mình. Bây giờ, tôi hỏi Tôn giả Đại Ca-diếp: Khả ái thay khu rừng Ngưu Giác Sa-la này! Ban đêm có trăng sáng, các cây sa-la đều tỏa hương thơm ngát ví như hoa trời. Hiền giả Đại Ca-diếp, những hạng Tỳ-kheo nào làm rực sáng khu rừng Ngưu Giác Sa-la?”

Tôn giả Đại Ca-diếp liền đáp lại con rằng: “Tôn giả Xá-lợi-tử, nếu có Tỳ-kheo tự mình ở nơi vô sự, khen ngợi ở nơi vô sự; tự mình có thiếu dục, khen ngợi sự thiếu dục; tự mình tri túc, khen ngợi sự tri túc; tự mình thích sống cô độc viễn ly, khen ngợi sự thích sống cô độc viễn ly; tự mình tu hành tinh tấn, khen ngợi sự tu hành tinh tấn; tự mình lập chánh niệm, chánh trí, khen ngợi sự lập chánh niệm, chánh trí; tự mình đắc định, khen ngợi sự đắc định; tự mình có trí tuệ, khen ngợi sự có trí tuệ; tự mình các lậu đã sạch, khen ngợi các lậu đã sạch; tự mình khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ, khen ngợi khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ. Hiền giả Xá-lợi-tử, vị Tỳ-kheo như vậy làm rực sáng khu rừng Ngưu Giác Sa-la.”

Thế Tôn khen rằng:

– Lành thay! Lành thay! Xá-lợi-tử, đúng như lời Tỳ-kheo Ca-diếp đã nói. Vì sao? Vì Đại Ca-diếp Tỳ-kheo thường tu hạnh vô sự.

Tôn giả Xá-lợi-tử bạch:

– Bạch Thế Tôn, Tôn giả Đại Ca-diếp nói như vậy rồi, con lại hỏi Hiền giả Mục-kiền-liên: “Tôn giả Đại Ca-diếp đã nói theo sự hiểu biết của mình. Bây giờ, tôi hỏi Hiền giả Mục-kiền-liên: Khả ái thay khu rừng Ngưu Giác Sa-la này! Ban đêm có trăng sáng, các cây sa-la đều tỏa hương thơm ngát ví như hoa trời. Hiền giả Đại Ca-diếp, những hạng Tỳ-kheo nào làm rực sáng khu rừng Ngưu Giác Sa-la?”

Hiền giả Đại Mục-kiền-liên liền đáp lại con rằng: “Tôn giả Xá-lợi-tử, nếu có Tỳ-kheo có đại như ý túc, có đại oai đức, có đại phước hựu, có đại oai thần, được tự tại vô lượng như ý túc; thực hành vô lượng như ý túc, có thể biến một thành nhiều, hợp nhiều thành một, một ở vị trí của một, có thể biết, có thể thấy, có thể xuyên qua vách đá như hư không, không ngăn ngại, ra vào trong đất dễ như nước, đi trên nước như đi trên đất mà không bị chìm, bay lên không trung mà ngồi kiết-già như loài chim; ngay đối với mặt trăng và mặt trời có đại như ý túc, có đại phước hựu, có đại oai thần, vị ấy đưa tay sờ được, thân cao đến cõi trời Phạm thiên. Tôn giả Xá-lợi-tử, vị Tỳ-kheo như vậy làm rực sáng khu rừng Ngưu Giác Sa-la.”

Thế Tôn khen:

– Lành thay! Lành thay! Xá-lợi-tử, đúng như lời Tỳ-kheo Mục-kiền-liên đã nói. Vì sao? Vì Tỳ-kheo Mục-kiền-liên có đại như ý túc.

Bấy giờ, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên từ chỗ ngồi đứng dậy, trích áo một bên, chấp tay và bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn, con và chư Tôn giả nói như vậy rồi, con liền bạch Tôn giả Xá-lợi-tử rằng: “Tôn giả Xá-lợi-tử, tôi và chư Tôn giả mỗi người đã tự trình bày theo sự hiểu biết của mình. Bây giờ, tôi xin hỏi Tôn giả Xá-lợi-tử: Khả ái thay khu rừng Ngưu Giác Sa-la này! Ban đêm có trăng sáng, các cây sa-la đều tỏa hương thơm ngát ví như hoa trời. Tôn giả Xá-lợi-tử, những hạng Tỳ-kheo nào làm rực sáng khu rừng Ngưu Giác Sa-la?”

Tôn giả Xá-lợi-tử liền đáp lại con rằng: “Hiền giả Mục-kiền-liên, nếu có Tỳ-kheo tùy dụng tâm tự tại chứ không phải không tùy tâm; nếu muốn an trú định vào buổi sáng, vị ấy liền an trú định vào buổi sáng; nếu muốn an trú định vào buổi trưa hay buổi chiều, vị ấy liền an trú định vào buổi trưa hay buổi chiều. Hiền giả Mục-kiền-liên, ví như y phục của vua và các quan rất nhiều, đủ màu sắc rực rỡ; nếu họ muốn mặc thứ nào vào buổi sáng, liền lấy mặc vào; nếu họ muốn mặc thứ nào vào buổi trưa hay buổi chiều, liền lấy mặc vào. Hiền giả Mục-kiền-liên, cũng vậy, nếu có Tỳ-kheo nào tùy dụng tâm tự tại chứ không phải không tùy tâm; nếu muốn an trú định vào buổi sáng, vị ấy liền an trú định vào buổi sáng; nếu muốn an trú định vào buổi trưa hay buổi chiều, vị ấy liền an trú định vào buổi trưa hay buổi chiều. Hiền giả Mục-kiền-liên, vị Tỳ-kheo như vậy làm rực sáng khu rừng Ngưu Giác Sa-la.”

Thế Tôn khen rằng:

– Lành thay! Lành thay! Mục-kiền-liên, đúng như lời Tỳ-kheo Xá-lợi-tử đã nói. Vì sao? Vì Xá-lợi-tử Tỳ-kheo tùy dụng tâm tự tại.

Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-tử liền từ chỗ ngồi đứng dậy, trích áo một bên, chấp tay và bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn, con và chư Hiền nói như vậy rồi, con bảo rằng: “Hiền giả Mục-kiền-liên, tôi và chư Hiền mỗi người đã tự trình bày theo sự hiểu biết của

minh. Hiền giả Mục-kiền-liên, chúng ta hãy cùng với chư Hiền đi đến chỗ đức Phật để biết trong những điều vừa thảo luận ấy, vị nào nói đúng.” Bạch Thế Tôn, trong chúng con, ai nói đúng?

Thế Tôn đáp rằng:

– Này Xá-lợi-tử, tất cả đều đúng. Vì sao? Vì các pháp đó chính là những điều Ta nói. Xá-lợi-tử, hãy nghe Ta nói. Vị Tỳ-kheo như vậy làm rực sáng khu rừng Nguru Giác Sa-la. Này Xá-lợi-tử, nếu có Tỳ-kheo tùy theo chỗ ở hoặc thành quách, thôn ấp, qua khỏi đêm, vào buổi sáng sớm, vị ấy mang y cầm bát vào thôn khát thực, khéo thủ hộ thân, khéo thúc liễm các căn, khéo giữ tâm niệm; vị ấy sau khi khát thực xong, sau giờ ngộ, thâu xếp y bát, rửa chân tay, lấy tọa cụ vắt lên vai, đến chỗ vô sự, hoặc nơi gốc cây hay chỗ thanh vắng, trải ni-sư-đàn mà ngồi kiết-già, ngồi luôn cho đến chứng Lộ tận mới giải kiết-già; vị ấy không giải kiết-già cho đến khi nào chứng được Lộ tận. Này Xá-lợi-tử, Tỳ-kheo như vậy làm rực sáng khu rừng Nguru Giác Sa-la.

Đức Phật thuyết giảng như vậy, các Tỳ-kheo ấy sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.



185. KINH NGƯU GIÁC SA-LA LÂM (B)

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật du hóa đến Na-ma-đề-sáu, ở tại tinh xá Kiền-kỳ. Bảy giờ, sau khi đêm đã qua, vào buổi sáng sớm, đức Thế Tôn đắp y, cầm bát, vào Na-ma-đề để khát thực. Sau khi ăn xong, vào buổi chiều, Ngài đi đến khu rừng Ngưu Giác Sa-la. Lúc ấy, có ba người con dòng quý tộc cùng ở trong rừng: Tôn giả A-na-luật-đà, Tôn giả Nan-đề, Tôn giả Kim-tỳ-la.

Ba Tôn giả ấy làm như vậy: Nếu ai khát thực đi về trước thì trải giường, múc nước, mang đồ rửa chân ra, để sẵn ghế rửa chân, khăn lau chân, bình đựng nước, chậu rửa; nếu có thể ăn hết đồ ăn đã xin được thì cứ ăn, nếu còn dư thì cho vào đồ chứa đầy kín cất; ăn xong, cất bình bát, rửa tay chân, lấy tọa cụ vắt lên vai, vào nhà ngồi tĩnh tọa. Nếu ai khát thực về sau, có thể ăn hết đồ ăn thì cứ ăn, nếu không đủ thì lấy đồ dư của người trước đem ăn cho đủ, nếu còn dư nữa thì đem đồ chỗ đất sạch hay trong nước không có trùng. Người ấy lấy đồ đựng của người kia rửa, lau thật sạch, rồi đem treo một bên, dọn dẹp giường chiếu, nhặt ghế rửa chân, cất khăn lau chân, cất đồ rửa chân, bình nước và chậu rửa, quét dọn sạch sẽ nhà ăn, rồi cất y bát, rửa tay chân, lấy tọa cụ vắt trên vai, vào nhà tĩnh tọa cho đến chiều. Trong các Tôn giả ấy, nếu ai đang tĩnh tọa mà dậy trước, thấy bình nước và chậu rửa chân không có nước thì phải đi lấy; nếu xách nổi thì tự xách, bằng không thì vẫy tay một Tỳ-kheo khác, hai người cùng khiêng, mỗi người khiêng một phía, không nói chuyện với nhau, không hỏi gì nhau. Các vị ấy cứ năm ngày họp một lần, hoặc để nói pháp, hoặc im lặng như các bậc Thánh.

Bảy giờ, người giữ rừng thấy Thế Tôn từ xa đi đến, đón lại quả trách và nói:

– Này Sa-môn, chớ có vào khu rừng này. Vì sao? Hiện nay, trong khu rừng này có ba người con dòng quý tộc ở là Tôn giả A-na-luật-đà, Tôn giả Nan-đề, Tôn giả Kim-tỳ-la. Nếu thấy thầy, chắc họ không vui lòng.

Đức Phật bảo:

– Này người giữ rừng, nếu họ thấy Ta thì không có gì là không vui lòng.

Bảy giờ, Tôn giả A-na-luật-đà từ xa trông thấy Thế Tôn đến, liền quả người giữ rừng:

– Này người giữ rừng, chớ có ngăn cản đức Thế Tôn! Này người giữ rừng, chớ có quả trách đức Thiện Thệ! Vì sao? Vì đó là đáng Tôn Quý của tôi đến, là đáng Thiện Thệ của tôi đến.

Rồi Tôn giả A-na-luật-đà ra rước Thế Tôn, đón lấy y bát, Tôn giả Nan-đề trải giường ngồi, Tôn giả Kim-tỳ-la đi lấy nước. Bấy giờ, đức Thế Tôn sau khi rửa tay xong, ngồi xuống chỗ ngồi đã soạn sẵn. Ngồi xong, Ngài hỏi:

– Nay A-na-luật-đà, thầy có thường an ổn, không thiếu thốn chăng?

Tôn giả A-na-luật-đà bạch:

– Bạch Thế Tôn, con vẫn thường an ổn, không có gì thiếu thốn!

Thế Tôn lại hỏi:

– Nay A-na-luật-đà, vì sao thầy được an ổn, không có gì thiếu thốn?

Tôn giả A-na-luật-đà bạch:

– Bạch Thế Tôn, con nghĩ rằng con nhờ có thiện lợi, có đại công đức, vì con tu tập cùng với các vị Phạm hạnh như vậy. Bạch Thế Tôn, con thường hướng đến các vị Phạm hạnh này để tu thân nghiệp từ, trước mặt cũng như sau lưng, và tu khẩu nghiệp từ, ý nghiệp từ, trước mặt cũng như sau lưng. Bạch Thế Tôn, con tự nghĩ: “Nay ta hãy tự xả bỏ tâm mình mà tùy theo tâm các Hiền giả này.” Rồi con xả bỏ tâm mình để tùy theo tâm các Hiền giả này. Con chưa từng có một điều gì mà không xứng ý. Bạch Thế Tôn, con nhờ như vậy mà thường được an ổn, không có gì thiếu thốn.

Đức Phật hỏi Tôn giả Nan-đề cũng đáp như vậy. Đức Phật lại hỏi Tôn giả Kim-tỳ-la:

– Thầy có thường an ổn, không có gì thiếu thốn chăng?

Tôn giả Kim-tỳ-la bạch:

– Bạch Thế Tôn, con thường an ổn, không có gì thiếu thốn!

Phật lại hỏi:

– Nay Kim-tỳ-la, vì sao thầy thường được an ổn, không có gì thiếu thốn?

Tôn giả Kim-tỳ-la bạch:

– Bạch Thế Tôn, con tự nghĩ con nhờ có thiện lợi, có đại công đức, vì con tu tập cùng với các vị Phạm hạnh như vậy. Bạch Thế Tôn, con thường hướng đến các vị Phạm hạnh này để tu thân nghiệp từ, trước mặt cũng như sau lưng, và tu khẩu nghiệp từ, ý nghiệp từ, trước mặt cũng như sau lưng. Bạch Thế Tôn, con tự nghĩ: “Nay ta hãy tự xả bỏ tâm mình mà tùy theo tâm các Hiền giả này.” Rồi con xả bỏ tâm mình để tùy theo tâm các Hiền giả này. Con chưa từng có một điều gì mà không xứng ý. Bạch Thế Tôn, con nhờ như vậy mà thường được an ổn, không có gì thiếu thốn.

Thế Tôn khen:

– Lành thay! Lành thay! Nay A-na-luật-đà, các thầy thường cùng nhau hòa hiệp, an ổn, không tranh chấp như vậy, cùng một tâm, cùng một thầy, cùng hợp nhất như nước với sữa. Thế nhưng, có chứng đắc pháp thượng nhân, có sai biệt, an lạc, trú định chăng?

Tôn giả A-na-luật-đà bạch:

– Bạch Thế Tôn, quả như vậy, chúng con thường cùng hòa hiệp, an ổn, không tranh cãi nhau, cùng một tâm, cùng một thầy, cùng hợp nhất như nước với sữa, chứng đắc pháp của bậc Thượng nhân, có sai biệt, an lạc, trú định. Bạch Thế Tôn, chúng con xa lìa dục vọng, xa lìa pháp ác, bất thiện, chứng đắc Thiền thứ tư, thành tựu và an trú. Bạch Thế Tôn, như vậy, chúng con thường cùng hòa hiệp, an ổn, không tranh cãi nhau, cùng một tâm, cùng một thầy, cùng hợp nhất như nước với sữa, chứng đắc pháp của bậc Thượng nhân, có sai biệt, an lạc, trú định.

Thế Tôn khen:

– Lành thay! Lành thay! Nay A-na-luật-đà, hãy bỏ trú định này, vượt qua, lướt qua, còn chứng đắc pháp nào khác của bậc Thượng nhân khác hơn, có sai biệt, an lạc, trú định chăng?

Tôn giả A-na-luật-đà bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn, bỏ qua trú định này, vượt qua, lướt qua, lại còn có pháp khác nữa của bậc Thượng nhân, có sai biệt, an lạc, trú định. Bạch Thế Tôn, tâm của con cùng đi đôi với từ, biến khắp một phương, thành tựu và an trú. Cũng vậy, tâm đi đôi với từ, biến khắp tất cả phương thứ hai, phương thứ ba, phương thứ tư, phương trên, phương dưới và bốn phương bàng, không kết, không oán, không giận, không cãi, rộng rãi bao la, tu vô lượng thiện, biến khắp tất cả thế gian, thành tựu và an trú. Cũng vậy, bi tâm, hỷ tâm đi đôi với với xả, không kết, không oán, không giận, không cãi, rộng rãi bao la, tu vô lượng thiện, biến khắp tất cả thế gian, thành tựu và an trú. Bạch Thế Tôn, bỏ qua trú định này, vượt qua, lướt qua, lại còn có pháp khác này nữa của bậc Thượng nhân, có sai biệt, an lạc, trú định.

Thế Tôn khen:

– Lành thay! Lành thay! Nay A-na-luật-đà, bỏ qua trú định này, vượt qua, lướt qua, còn chứng đắc pháp nào khác của bậc Thượng nhân, có sai biệt, an lạc, trú định chăng?

Tôn giả A-na-luật-đà bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn, bỏ trú định này, vượt qua, lướt qua, lại còn có pháp khác nữa của bậc Thượng nhân, có sai biệt, an lạc, trú định. Bạch Thế Tôn, chúng con vượt qua tất cả sắc tướng, đạt đến Phi hữu tướng phi vô tướng xứ, thành tựu an trú. Bạch Thế Tôn, bỏ trú định này, vượt qua, lướt qua, lại còn có pháp khác này nữa của bậc Thượng nhân, có sai biệt, an lạc, trú định.

Thế Tôn khen:

– Lành thay! Lành thay! Nay A-na-luật-đà, bỏ trú định này, vượt qua, lướt qua, còn chứng đắc pháp nào khác của bậc Thượng nhân, có sai biệt, an lạc, trú định chăng?

Tôn giả A-na-luật-đà bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn, bỏ trú định này, vượt qua, lướt qua, lại có pháp khác nữa của bậc Thượng nhân, có sai biệt, an lạc, trú định. Bạch Thế Tôn, chúng con đắc như ý túc, thiên nhĩ trí, tha tâm trí, túc mạng trí, sanh tử trí, các lậu đã hết, được vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát, ngay trong đời này, tự tri, tự giác, tự tác chứng, thành tựu và an trú, biết một cách như thật rằng: “Sự sanh đã hết, Phạm hạnh đã vững, điều cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa.” Bạch Thế Tôn, bỏ trú định này, vượt qua, lướt qua, lại còn có pháp khác này nữa của bậc Thượng nhân, có sai biệt, an lạc, trú định.

Thế Tôn khen:

– Lành thay! Lành thay! Nay A-na-luật-đà, bỏ trú định này, vượt qua, lướt qua, còn chứng đắc pháp nào khác của bậc Thượng nhân, có sai biệt, an lạc, trú định chăng?

Tôn giả A-na-luật-đà bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn, bỏ trú định này, vượt qua, lướt qua, không còn có pháp nào khác nữa của bậc Thượng nhân, có sai biệt, an lạc, trú định.

Bấy giờ, đức Thế Tôn nghĩ như vậy: “Chỗ an trú của người con dòng họ quý tộc này an ổn, khoái lạc. Hôm nay Ta hãy thuyết pháp cho họ nghe.” Thế Tôn nghĩ như vậy rồi, liền thuyết pháp cho Tôn giả A-na-luật-đà, Tôn giả Nan-đề, Tôn giả Kim-tỳ-la nghe, khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ. Sau khi dùng vô lượng phương tiện thuyết pháp cho họ, khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ rồi, Ngài rời chỗ ngồi đứng dậy đi về.

Bấy giờ, Tôn giả A-na-luật-đà, Tôn giả Nan-đề, Tôn giả Kim-tỳ-la đi theo đức Thế Tôn được một quãng đường rồi trở lại chỗ ở. Tôn giả Nan-đề, Tôn giả Kim-tỳ-la khen Tôn giả A-na-luật-đà rằng:

– Lành thay! Lành thay! Tôn giả A-na-luật-đà, chúng tôi trước đây chưa nghe Tôn giả A-na-luật-đà nói những nghĩa lý như vậy: “Chúng tôi có đại như ý túc, có đại oai đức, có đại phước hựu, có đại oai thần như vậy.” Nhưng nay Tôn giả A-na-luật-đà đã hết sức khen ngợi chúng tôi trước đức Thế Tôn.

Tôn giả A-na-luật-đà khen Tôn giả Nan-đề và Tôn giả Kim-tỳ-la rằng:

– Lành thay! Lành thay! Nay chư Tôn giả, tôi cũng chưa bao giờ nghe chư Hiền nói Tôn giả có đại như ý túc, có đại oai đức, có đại phước hựu, có đại oai thần như vậy. Nhưng một thời gian dài, với tâm tôi, tôi biết tâm của Tôn giả, Tôn giả có đại như ý túc, có đại oai đức, có đại phước hựu, có đại oai thần. Vì thế, đứng trước đức Thế Tôn tôi mới trình bày như vậy.

Bấy giờ, có vị trời Trường Quý hình dáng cực diệu, sáng chói rực rỡ, lúc đêm tàn, sáng rạng đông, đi đến chỗ Phật, cúi đầu đánh lễ dưới chân Ngài rồi lui đứng một bên và bạch Thế Tôn:

– Bạch Đại Tiên Nhơn, dân chúng nước Bạt-kỳ được đại lợi ích vì có Thế Tôn và ba người con dòng dõi quý tộc hiện ở: Tôn giả A-na-luật-đà, Nan-đề và Kim-tỳ-la.

Các địa thần nghe trời Trường Quý nói, liền làm cho âm thanh vang lớn ra: “Bạch Đại Tiên Nhơn, dân chúng nước Bạt-kỳ được đại lợi ích vì có Thế Tôn và ba người con dòng dõi quý tộc hiện ở: Tôn giả A-na-luật-đà, Nan-đề và Kim-tỳ-la.” Nghe theo âm thanh vang lớn của địa thần, các cõi Hư Không thiên, Tứ Thiên Vương, Tam Thập Tam thiên, Diệm-ma thiên, Đâu-suất-đà thiên, Hóa Lạc thiên, Tha Hóa Lạc thiên, trong khoảnh khắc cũng đã làm cho âm thanh thấu đến Phạm thiên: “Bạch Đại Tiên Nhơn, dân chúng nước Bạt-kỳ được đại lợi ích vì có Thế Tôn và ba người con dòng dõi quý tộc hiện ở: Tôn giả A-na-luật-đà, Nan-đề và Kim-tỳ-la.”

Thế Tôn bảo:

– Đúng như vậy, này Trường Quý thiên, dân chúng nước Bạt-kỳ được đại lợi ích vì có Thế Tôn và ba người con dòng dõi quý tộc hiện ở: Tôn giả A-na-luật-đà, Nan-đề và Kim-tỳ-la.

Này Trường Quý thiên, các địa thần nghe tiếng nói của ông rồi, liền làm vang lớn âm thanh: “Bạch Đại Tiên Nhơn, dân chúng nước Bạt-kỳ được đại lợi ích vì có Thế Tôn và ba người con dòng dõi quý tộc hiện ở: Tôn giả A-na-luật-đà, Nan-đề và Kim-tỳ-la.” Nghe theo âm thanh vang lớn của địa thần, các cõi Hư Không thiên, Tứ Thiên Vương, Tam Thập Tam thiên, Diệm-ma thiên, Đâu-suất-đà thiên, Hóa Lạc thiên, Tha Hóa Lạc thiên, trong khoảnh khắc cũng đã làm cho âm thanh thấu đến Phạm thiên: “Bạch Đại Tiên Nhơn, dân chúng nước Bạt-kỳ được đại lợi ích vì có Thế Tôn và ba người con dòng dõi quý tộc hiện ở: Tôn giả A-na-luật-đà, Nan-đề và Kim-tỳ-la.” Này Trường Quý thiên, nếu ba gia đình quý tộc kia có ba người con quý tộc này, cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo thì ba gia đình quý tộc ấy sẽ nhớ lại nhân duyên và công hạnh của ba người con, họ sẽ được lợi ích lớn, an ổn, khoái lạc lâu dài. Và nếu thôn ấp, Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn, từ người đến trời mà nhớ nghĩ đến nhân duyên và công hạnh của ba người con dòng dõi quý tộc ấy, họ cũng sẽ được đại lợi ích, an ổn, khoái lạc lâu dài. Này Trường Quý thiên, vì ba người con dòng dõi quý tộc ấy có đại như ý túc, có đại oai đức, có đại phước hựu, có đại oai thần như vậy.

Đức Phật thuyết giảng như vậy, ba người con dòng dõi quý tộc và Trường Quý thiên sau khi nghe những lời Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

186. KINH CẦU GIẢI

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật du hóa Câu-lâu-sâu, tại đô ấp Kiềm-ma-sắt-đàm-câu-lâu.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Duyên nơi ý của mình mà không biết như thật về tâm trí của người khác thì không thể biết được sự giác ngộ Chánh đẳng của Thế Tôn. Vậy làm thế nào để tìm hiểu Như Lai?

Lúc ấy, các Tỳ-kheo bạch đức Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, Thế Tôn là căn bản của pháp, Thế Tôn là chủ của pháp, pháp do nơi Thế Tôn mà có, ngưỡng mong Ngài thuyết giảng cho, chúng con nghe được rồi sẽ thấu rõ nghĩa lý!

Đức Phật liền bảo:

– Này các Tỳ-kheo, hãy lắng nghe rõ và khéo suy nghĩ cho kỹ, Ta sẽ phân biệt đầy đủ cho các thầy nghe!

Bấy giờ, các Tỳ-kheo vâng lời và lắng nghe. Thế Tôn dạy:

– Duyên nơi ý của mình mà không biết như thật về tâm trí của người khác, phải do hai sự kiện để tìm hiểu Như Lai. Một là sắc được biết bởi mắt và hai là tiếng được nghe bởi tai: “Pháp ô nhiễm được biết bởi mắt và tai, có hay không có nơi Tôn giả ấy?” Sau khi tìm hiểu, biết rằng pháp ô nhiễm được biết bởi mắt và tai không có nơi Tôn giả ấy. Nếu ở đây không có, lại phải tìm hiểu thêm nữa: “Pháp hỗn tạp được biết bởi mắt và tai, có hay không có nơi Tôn giả ấy?” Sau khi tìm hiểu, biết rằng những pháp hỗn tạp được biết bởi mắt và tai không có nơi Tôn giả ấy. Nếu ở đây không có, lại phải tìm hiểu thêm nữa: “Pháp bạch tịnh được biết bởi mắt và tai, có hay không có nơi Tôn giả ấy?” Sau khi tìm hiểu, biết rằng pháp bạch tịnh được biết bởi mắt và tai có nơi Tôn giả ấy. Nếu ở đây có, lại phải tìm hiểu nữa: “Tôn giả ấy đã thực hành pháp ấy lâu dài hay chỉ thực hành tạm thời?” Sau khi tìm hiểu, biết rằng Tôn giả ấy thực hành pháp ấy lâu dài chứ không phải tạm thời. Nếu Tôn giả ấy thường thực hành, lại phải tìm hiểu thêm nữa: “Tôn giả ấy nhập vào thiền này vì danh dự và lợi lộc hay không vì danh dự và lợi lộc?” Sau khi tìm hiểu, biết rằng Tôn giả ấy nhập vào thiền này không phải vì tai họa.

Nếu có người nói như vậy: “Tôn giả ấy thực hành tịnh lạc chứ không phải vì sợ hãi, ly dục, không thực hành theo dục, vì dục đã diệt tận” thì nên hỏi

người ấy rằng: “Này Hiền giả, với hành vi nào, với năng lực nào, với trí tuệ nào để Hiền giả có thể tự mình nhận xét chân chánh rằng: ‘Tôn giả ấy thực hành tịnh lạc chứ không phải vì sợ hãi, ly dục, không thực hành theo dục, vì dục đã diệt tận?’” Nếu người ấy trả lời như vậy: “Tôi không biết tâm trí của vị ấy, cũng không phải do sự kiện nào khác mà biết. Nhưng vị Tôn giả ấy hoặc khi sống một mình, hoặc khi ở giữa đại chúng, hoặc ở giữa chỗ tập hội, nơi đó hoặc có Thiện Thệ hay những người thọ hóa bởi Thiện Thệ, hoặc là bậc Tông Chủ, hoặc là được thấy bởi vật thực. Này Hiền giả, tôi không tự mình hiểu biết vị ấy. Tôi nghe từ chính Tôn giả ấy mà trực tiếp ghi nhận như vậy: ‘Ta thực hành tịnh lạc chứ không phải vì sợ hãi, ly dục, không thực hành theo dục, vì dục đã diệt tận.’” Này Hiền giả, với hành vi như vậy, với năng lực như vậy, với trí tuệ như vậy khiến tôi tự mình nhận xét chân chánh mà nói rằng: ‘Tôn giả ấy thực hành tịnh lạc chứ không phải vì sợ hãi, ly dục, không thực hành theo dục, vì dục đã diệt tận.’”

Trong trường hợp này, lại cần phải hỏi thêm nữa: “Trong pháp ấy của Như Lai, nếu có pháp ô nhiễm được biết bởi mắt và tai, có trường hợp pháp ấy bị diệt tận, vô dư chăng? Nếu có pháp hỗn tạp được biết bởi mắt và tai, có trường hợp pháp ấy bị diệt tận, vô dư chăng? Nếu có pháp bạch tịnh, có trường hợp pháp ấy bị diệt tận, vô dư chăng?” Như Lai bèn trả lời: “Nếu có pháp ô nhiễm được biết bởi mắt và tai, có trường hợp pháp này bị diệt tận, vô dư. Nếu có pháp hỗn tạp được biết bởi mắt và tai, có trường hợp pháp này bị diệt tận, vô dư. Nếu có pháp ô nhiễm được nhận biết bởi mắt và tai, Như Lai diệt tận, đoạn trừ, nhổ tuyệt gốc rễ, không bao giờ sanh khởi trở lại nữa. Nếu có pháp hỗn tạp được biết bởi mắt và tai, Như Lai diệt tận, đoạn trừ, nhổ tuyệt gốc rễ, không bao giờ sanh trở lại nữa. Nếu có pháp bạch tịnh thì Ta với pháp bạch tịnh như vậy, cảnh giới như vậy, Sa-môn như vậy, Ta như vậy mà thành tựu Chánh pháp, Luật này.”

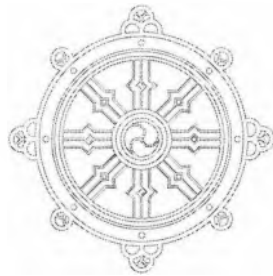
Có một tín đồ từ đến thăm viếng Như Lai, phụng trì Như Lai, nghe pháp từ Như Lai và được Như Lai nói pháp cho, pháp cao siêu càng lúc càng cao siêu, pháp vi diệu càng lúc càng vi diệu, khéo đoạn trừ hắc, bạch. Sau khi được Như Lai nói pháp cho nghe, pháp cao siêu càng lúc càng cao siêu, pháp vi diệu càng lúc càng vi diệu, khéo đoạn trừ hắc, bạch; nghe như vậy, như vậy rồi, vị ấy vĩnh viễn đoạn trừ pháp một, đối với các pháp mà chứng đắc cứu cánh, tịnh tín nơi Thế Tôn rằng: Thế Tôn là bậc Chánh Đẳng Giác.

Ở đây, lại cần hỏi thêm vị ấy rằng: “Này Hiền giả, do hành vi nào, do năng lực nào, do trí tuệ nào để Hiền giả có thể vĩnh viễn đoạn trừ pháp một, đối với các pháp mà chứng đắc cứu cánh, tịnh tín nơi Thế Tôn rằng: Thế Tôn là bậc Chánh Đẳng Giác?” Vị ấy sẽ trả lời như vậy: “Này Hiền giả, tôi không biết tâm của Thế Tôn, cũng không do sự kiện nào khác mà biết. Tôi do nơi Thế Tôn mà có tịnh tín như vậy. Thế Tôn nói pháp cho tôi nghe, pháp cao siêu càng lúc càng cao siêu, pháp vi diệu càng lúc càng vi diệu, khéo đoạn trừ hắc, bạch. Này Hiền

giả, đúng như những điều mà Thế Tôn nói pháp cho tôi nghe, và tôi nghe như vậy, như vậy. Sau khi Như Lai nói pháp cho tôi nghe, pháp cao siêu càng lúc càng cao siêu, pháp vi diệu càng lúc càng vi diệu, khéo đoạn trừ hắc, bạch; và tôi nghe như vậy, như vậy rồi, vĩnh viễn đoạn trừ pháp một, đối với các pháp mà chúng đắc cứu cánh, tịnh tín nơi Thế Tôn rằng: Thế Tôn là bậc Chánh Đẳng Giác. Nay Hiền giả, tôi do hành vi như vậy, năng lực như vậy, trí tuệ như vậy, khiến tôi vĩnh viễn đoạn trừ pháp một, đối với các pháp mà chúng đắc cứu cánh, tịnh tín nơi Thế Tôn rằng: Thế Tôn là bậc Chánh Đẳng Giác vậy.”

Nếu ai có hành này, lực này, tin sâu nơi Như Lai, tín căn đã vững thì được gọi là tín căn dựa trên kiến, không hủy hoại, tương ưng với trí Sa-môn, Phạm chí, chư Thiên, Ma, Phạm và các hàng thế gian khác, không thể tước đoạt được. Hãy như vậy mà tìm hiểu Như Lai! Hãy như vậy mà nhận biết chánh đáng về Như Lai!

Đức Phật thuyết như vậy, các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.



187. KINH THUYẾT TRÍ

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng Lâm, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ, đức Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

– Nếu có Tỳ-kheo nào đến trước các thầy nói lên trí mà họ đã chứng đắc, biết một cách như thật rằng: “Sự sanh đã hết, Phạm hạnh đã vững, điều cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa.” Các thầy nghe rồi nên khen là đúng và hoan hỷ phụng hành. Sau khi khen vị ấy là đúng và hoan hỷ phụng hành rồi, các thầy nên hỏi Tỳ-kheo ấy như vậy:

“Này Hiền giả, Thế Tôn đã nói năm thanh âm: Sắc thanh âm, thọ, tưởng, hành và thức thanh âm. Này Hiền giả, biết và thấy năm thanh âm này như thế nào để được biết là không còn chấp thủ, đã dứt sạch các lậu, tâm giải thoát?”

Vị Tỳ-kheo đã dứt sạch các lậu và biết được mình Phạm hạnh đã vững nên đáp lại như vậy:

“Này chư Hiền, sắc thanh âm là pháp không hiệu quả, trống rỗng, không đáng ham muốn, không hằng hữu, cũng không thể nương tựa, là pháp biến dịch; tôi biết như vậy. Nếu đối với sắc thanh âm mà có tham dục, có ô nhiễm, có đắm trước, có trói buộc thì đối với sự đắm trước, sự trói buộc, sự sai sử này, chúng bị tận trừ, ly dục, diệt, tịch tĩnh; do đó nên biết là không còn chấp thủ, đã dứt sạch các lậu, tâm giải thoát. Cũng như vậy, thọ, tưởng, hành và thức thanh âm là pháp không hiệu quả, trống rỗng, là không đáng ham muốn, không hằng hữu, cũng không thể nương tựa, là pháp biến dịch; tôi biết như vậy. Nếu đối với thức thanh âm mà có tham dục, có ô nhiễm, có đắm trước, có trói buộc thì đối với sự đắm trước, sự trói buộc, sự sai sử này, chúng bị tận trừ, ly dục, diệt, tịch tĩnh; do đó nên biết là không còn chấp thủ, đã dứt sạch các lậu, tâm giải thoát. Này chư Hiền, đối với năm thanh âm, tôi biết như vậy, thấy như vậy, nên biết là không còn chấp thủ, đã dứt sạch các lậu, tâm được giải thoát.”

Vị Tỳ-kheo đã dứt sạch các lậu và biết được mình Phạm hạnh đã vững thì nên đáp như vậy. Các thầy sau khi nghe rồi nên khen là đúng và hoan hỷ phụng hành. Sau khi khen vị ấy là đúng và hoan hỷ phụng hành rồi, các thầy hỏi Tỳ-kheo ấy như vậy:

“Này Hiền giả, đức Thế Tôn đã nói có bốn loại thực, chúng sanh nhờ đó mà được tồn tại và được trưởng dưỡng. Những gì là bốn? Một là đoàn thực, có thô

và tế; hai là xúc thực; ba là ý niệm thực và bốn là thức thực. Nay Hiền giả, biết và thấy bốn loại thực này như thế nào để rõ biết là không còn chấp thủ, đã dứt sạch các lậu, tâm được giải thoát?”

Vị Tỳ-kheo đã dứt sạch các lậu và biết được mình Phạm hạnh đã vững nên đáp như vậy:

“Này chư Hiền, đối với đoàn thực, ý tôi không coi trọng, không coi rẻ, không đam mê, không ràng buộc, không nhiễm, không đắm, được giải thoát, giải thoát một cách rốt ráo, tâm không còn điên đảo, biết một cách như thật rằng: ‘Sự sanh đã hết, Phạm hạnh đã vững, điều cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa.’ Cũng như vậy, đối với xúc thực, ý niệm thực, thức thực, ý tôi không coi trọng, không coi rẻ, không đam mê, không ràng buộc, không nhiễm, không đắm, đã giải thoát, giải thoát một cách rốt ráo, tâm không còn điên đảo, biết một cách như thật rằng: ‘Sự sanh đã hết, Phạm hạnh đã vững, điều cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa.’ Nay chư Hiền, tôi biết như vậy, tôi thấy như vậy, nên đối với bốn loại thực này, rõ biết là không còn chấp thủ, đã diệt sạch các lậu, tâm được giải thoát.”

Vị Tỳ-kheo đã dứt sạch các lậu và biết được mình Phạm hạnh đã vững nên đáp như vậy. Các thầy nghe rồi nên khen là đúng và hoan hỷ phụng hành. Sau khi khen vị ấy là đúng và hoan hỷ phụng hành rồi, các thầy nên hỏi Tỳ-kheo ấy như vậy:

“Này Hiền giả, đức Thế Tôn đã nói bốn loại tuyên thuyết. Những gì là bốn? Thấy thì nói là thấy, nghe thì nói là nghe, nhận thấy thì nói là nhận thấy, biết rõ thì nói là biết rõ. Nay Hiền giả, biết và thấy bốn loại tuyên thuyết này như thế nào để rõ được mình không còn chấp thủ, đã dứt sạch các lậu, tâm được giải thoát?”

Vị Tỳ-kheo đã dứt sạch các lậu và biết được mình Phạm hạnh đã vững nên đáp như vậy:

“Này chư Hiền, đối với sự thấy thì nói là thấy, tôi không coi trọng, không coi rẻ, không đam mê, không ràng buộc, không nhiễm, không đắm, đã giải thoát, giải thoát một cách rốt ráo, tâm không điên đảo và biết một cách như thật rằng: ‘Sự sanh đã hết, Phạm hạnh đã vững, điều cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa.’ Cũng như vậy, nghe thì nói là nghe, nhận thấy thì nói là nhận thấy, biết rõ thì nói là biết rõ, không coi trọng, không coi rẻ, không đam mê, không ràng buộc, không nhiễm, không đắm, đã giải thoát, giải thoát một cách rốt ráo, tâm không điên đảo và biết một cách như thật rằng: ‘Sự sanh đã hết, Phạm hạnh đã vững, điều cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa.’ Nay chư Hiền, tôi biết như vậy, thấy như vậy, đối với bốn loại tuyên thuyết này, tôi biết rõ mình không còn chấp thủ, đã dứt sạch các lậu, tâm được giải thoát.”

Vị Tỳ-kheo đã dứt sạch các lậu và tự biết được mình Phạm hạnh đã vững nên đáp như vậy. Các thầy khi nghe rồi nên khen là đúng và hoan hỷ phụng

hành. Sau khi khen vị ấy là đúng và hoan hỷ phụng hành rồi, lại hỏi Tỳ-kheo ấy như vậy:

“Này Hiền giả, đức Thế Tôn đã nói sáu pháp nội xứ: Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý xứ. Này Hiền giả, biết và thấy sáu nội xứ này như thế nào để biết rõ là đã không còn chấp thủ, dứt sạch các lậu, tâm được giải thoát?”

Vị Tỳ-kheo đã dứt sạch các lậu và tự biết được mình Phạm hạnh đã vững nên đáp như vậy:

“Này chư Hiền, đối với mắt và nhãn thức, nhãn thức biết pháp, cả hai, tôi biết rõ hai pháp ấy. Này chư Hiền, nếu mắt và nhãn thức, nhãn thức biết pháp, ái lạc đã dứt sạch; do nó bị dứt sạch, ly dục, diệt, tịch tĩnh mà biết rõ là không còn chấp thủ, đã dứt sạch các lậu, tâm được giải thoát. Cũng như vậy, đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý và ý thức, ý thức biết pháp, cả hai, tôi đã biết rõ hai pháp ấy. Đã biết rõ hai pháp ấy rồi, này chư Hiền, nếu ý và ý thức, ý thức biết pháp, ái lạc đã dứt sạch; do nó bị dứt sạch, ly dục, diệt, tịch tĩnh mà biết rõ là không còn chấp thủ, đã dứt sạch các lậu, tâm được giải thoát. Này chư Hiền, tôi biết như vậy, thấy như vậy, đối với sáu nội xứ được biết rõ là không còn chấp thủ, đã dứt sạch các lậu, tâm được giải thoát.”

Vị Tỳ-kheo đã dứt sạch các lậu và biết được mình Phạm hạnh đã vững nên đáp như vậy. Các thầy sau khi nghe rồi nên khen là đúng và hoan hỷ phụng hành. Sau khi khen vị ấy là đúng và hoan hỷ phụng hành rồi, các thầy nên hỏi Tỳ-kheo ấy như vậy:

“Này Hiền giả, đức Thế Tôn nói về lục giới như địa giới, thủy giới, hỏa giới, phong giới, không giới và thức giới. Này Hiền giả, biết và thấy lục giới này như thế nào để rõ biết mình không còn chấp thủ, đã dứt sạch các lậu, tâm được giải thoát?”

Vị Tỳ-kheo đã dứt sạch các lậu và biết được mình Phạm hạnh đã vững nên đáp như vậy:

“Này chư Hiền, tôi không thấy rằng địa giới là sở thuộc của tôi; tôi không phải là sở thuộc của địa giới; địa giới chẳng phải là ngã. Nhưng hai thọ nương địa giới mà trú và các kiết sử dựa vào đó mà sanh, chúng bị dứt sạch, ly dục, diệt, tịch tĩnh; do đó mà biết rõ là không còn chấp thủ, đã dứt sạch các lậu, tâm được giải thoát. Cũng như vậy, thủy, hỏa, phong, không và thức giới chẳng phải sở thuộc của tôi; tôi không phải là sở thuộc của thức giới; thức giới chẳng phải là ngã. Nhưng hai thọ nương nơi thức mà trú và các kiết sử dựa vào đó mà sanh, chúng bị dứt sạch, ly dục, diệt, tịch tĩnh; do đó mà biết rõ là không còn chấp thủ, đã dứt sạch các lậu, tâm được giải thoát. Này chư Hiền, tôi biết như vậy, thấy như vậy đối với lục giới ấy, biết mình không còn chấp thủ, đã dứt sạch các lậu, tâm được giải thoát.”

Vị Tỳ-kheo đã dứt sạch các lậu và biết mình Phạm hạnh đã vững nên đáp như vậy. Các thầy sau khi nghe rồi nên khen là đúng và hoan hỷ phụng hành.

Sau khi khen vị ấy là đúng và hoan hỷ phụng hành rồi, các thầy nên hỏi vị Tỳ-kheo ấy như vậy:

“Này Hiền giả, biết và thấy bên trong thân này cùng với thức và tất cả các tướng bên ngoài như thế nào để có đoạn biến tri về tự ngã, về tự ngã như là tác giả và mạn kiết sử nhỏ tuyệt cội gốc của chúng, không còn tái sinh nữa?”

Vị Tỳ-kheo đã dứt sạch các lậu và biết được mình Phạm hạnh đã vững nên đáp như vậy:

“Này chư Hiền, thuở xưa, khi tôi chưa xuất gia học đạo, đã nhàm chán sự sanh, già, bệnh, chết, khóc than, khổ não, sầu muộn, bi ai; tôi muốn đoạn trừ khỏi khổ đau to lớn này. Này chư Hiền, sau khi đã nhàm chán, ghê sợ, tôi quán sát: ‘Tại gia là đời sống hẹp hòi, là chốn trần lao; xuất gia học đạo là đời sống rộng rãi, bao la. Nay ta sống đời tại gia bị xiềng xích quăn chặt, không thể trọn đời tịnh tu Phạm hạnh. Vậy ta hãy vứt bỏ các tài sản nhỏ và lớn, từ giã thân tộc ít hay nhiều, rồi cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình mà học đạo.’ Này chư Hiền, sau đó tôi vứt bỏ tài sản nhỏ và lớn, từ giã thân tộc ít hay nhiều, rồi cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình mà học đạo. Này chư Hiền, sau khi tôi xuất gia học đạo, từ bỏ của cải, họ hàng, rồi thọ lãnh cấm giới mà Tỳ-kheo phải tu tập, thủ hộ biệt giải thoát giới, tôi lại cẩn thận, thâm nhiếp các oai nghi lễ tiết, thấy lỗi nhỏ nhất cũng thường ôm lòng lo sợ, nhớ kỹ điều cốt yếu đã học.”

“Này chư Hiền, tôi từ bỏ sát sanh, xa lìa sát sanh, xả bỏ đao gậy, biết hổ thẹn, nuôi lòng từ bi, làm lợi ích cho tất cả cho đến loài côn trùng; đối với tâm sát sanh, tôi đã tịnh trừ.”

“Tôi từ bỏ lấy của không cho, đoạn trừ lấy của không cho, chỉ lấy của đã cho, thích của đã cho, thường thích bố thí, vui vẻ không luyến tiếc, không mong sự đáp lại; đối với tâm ưa lấy của không cho, tôi đã tịnh trừ.”

“Này chư Hiền, tôi từ bỏ sự phi Phạm hạnh, đoạn trừ phi Phạm hạnh, siêng năng tu Phạm hạnh, tinh tấn với diệu hạnh, thanh tịnh, không ô uế, từ bỏ dục vọng, dứt trừ tâm dục; đối với tâm phi Phạm hạnh, tôi đã tịnh trừ.”

“Này chư Hiền, tôi từ bỏ nói láo, đoạn trừ nói láo, nói điều chân thật, ưa điều chân thật, dựa trên sự thật không sai trái, tất cả lời nói của tôi đều đáng tin cậy, không lừa dối thế gian; đối với tâm nói láo, tôi đã tịnh trừ. Này chư Hiền, tôi từ bỏ nói hai lưỡi, đoạn trừ nói hai lưỡi, tu hành không nói hai lưỡi, không phá hoại người khác, không nghe lời người này đem nói với người kia để phá hoại người này, không nghe lời người kia đem nói với người này để phá hoại người kia, người ly gián tôi làm cho hòa hợp, người đã sống hòa hợp tôi làm cho họ hoan hỷ, không chia phe đảng, không thích phe đảng; đối với tâm nói hai lưỡi, tôi đã tịnh trừ. Này chư Hiền, tôi từ bỏ lời nói thô ác, đoạn trừ lời nói thô ác; nếu có lời nói giọng điệu thô bỉ, lớn tiếng, nghịch tai, người nghe không ưa, không mến, khiến họ khổ não, không định tâm, tôi đoạn trừ lời nói như vậy;

nếu có lời nói êm dịu, nhẹ nhàng, thuận tai, thông cảm đến tâm, làm cho người nghe vui vẻ, mến chuộng, sung sướng, tiếng nói rõ ràng, không làm cho người khác sợ, trái lại họ được định tâm, tôi nói lời nói như vậy; đối với tâm nói lời thô ác, tôi đã tịnh trừ. Nay chư Hiền, tôi từ bỏ lời nói thô dệt, tránh xa lời nói thô dệt, nói đúng lúc, nói chân thật, nói đúng pháp, nói đúng nghĩa, nói về tịch tĩnh, ưa nói về tịch tĩnh, hợp thời, hợp lý, khéo dạy, khéo la mắng; đối với tâm nói thô dệt, tôi đã tịnh trừ.”

“Nay chư Hiền, tôi từ bỏ buôn bán, tránh xa sự buôn bán, xả bỏ nghề cân lường và đấu hộc, cũng không nhận hàng hóa, không chèn ép người, không mong gian lận, không vì lợi nhỏ mà lấn lướt người; đối với tâm sinh hoạt buôn bán, tôi đã tịnh trừ.”

“Nay chư Hiền, tôi đã từ bỏ sự nhận đàn bà góa, con gái thơ, tránh xa việc nhận đàn bà góa, con gái thơ; đối với tâm nhận đàn bà góa, con gái thơ, tôi đã tịnh trừ. Nay chư Hiền, tôi từ bỏ nhận nô tỳ, tránh xa việc nhận nô tỳ; đối với tâm nhận nô tỳ, tôi đã tịnh trừ. Nay chư Hiền, tôi từ bỏ nhận voi, ngựa, trâu, dê, tránh xa việc nhận voi, ngựa, trâu, dê; đối với tâm nhận voi, ngựa, trâu, dê, tôi đã tịnh trừ. Nay chư Hiền, tôi từ bỏ nhận gà, heo, tránh xa việc nhận gà, heo; đối với tâm nhận gà, heo, tôi đã tịnh trừ. Nay chư Hiền, tôi từ bỏ nhận ruộng, nương, hàng, quán, tránh xa việc nhận ruộng, nương, hàng, quán; đối với tâm nhận ruộng, nương, hàng, quán, tôi đã tịnh trừ. Nay chư Hiền, tôi từ bỏ nhận lúa giống, lúa mạch, đậu, tránh xa việc nhận lúa giống, lúa mạch, đậu; đối với tâm nhận lúa giống, lúa mạch, đậu, tôi đã tịnh trừ.”

“Nay chư Hiền, tôi từ bỏ rượu, tránh xa rượu; đối với tâm uống rượu, tôi đã tịnh trừ.”

“Nay chư Hiền, tôi từ bỏ dùng giường cao, rộng lớn, tránh xa giường cao, rộng lớn; đối với tâm dùng giường cao, rộng lớn, tôi đã tịnh trừ. Nay chư Hiền, tôi từ bỏ trang sức vòng hoa, chuỗi ngọc, hương thoa, phấn sáp, tránh xa trang sức vòng hoa, chuỗi ngọc, hương thoa, phấn sáp; đối với tâm trang sức vòng hoa, chuỗi ngọc, hương thoa, phấn sáp, tôi đã tịnh trừ. Nay chư Hiền, tôi từ bỏ ca, múa, xướng, hát và đi xem nghe, tránh xa sự ca, múa, xướng, hát và đi xem nghe; đối với tâm ca, múa, xướng, hát và đi xem nghe, tôi đã tịnh trừ. Nay chư Hiền, tôi từ bỏ nhận vàng bạc, tránh xa nhận vàng bạc; đối với tâm nhận vàng bạc, tôi đã tịnh trừ. Nay chư Hiền, tôi từ bỏ sự ăn quá độ, tránh xa sự ăn quá độ, ăn đúng độ, không ăn ban đêm, không ăn phi thời, học ăn đúng thời; đối với tâm ăn quá độ, tôi đã tịnh trừ.”

“Nay chư Hiền, tôi đã thành tựu Thánh giới thân này, lại tu hành sự tri túc, áo cốt để che thân, ăn cốt để nuôi thân. Tôi đến chỗ nào là mang theo y, bát, không có luyến tiếc. Ví như chim nhận cùng với hai cánh bay liệng trong hư không, tôi cũng như vậy.”

“Này chư Hiền, tôi đã thành tựu Thánh giới thân này và rất tri túc, lại chế ngự các căn, thường tâm niệm khép kín các căn, niệm mong cầu sự minh đạt, thủ hộ niệm tâm mà được thành tựu, hằng tự khởi ý: Nếu mắt thấy sắc, không chấp thủ tướng, cũng không đắm vị của nó, vì (tránh) phần hận và não hại mà thủ hộ nhãn căn; trong tâm không sanh tham lam, buồn rầu và các pháp ác, bất thiện, vì hướng đến sự giải thoát mà thủ hộ nhãn căn. Cũng như vậy, tai, mũi, lưỡi, thân, ý biết pháp, không chấp thủ tướng, cũng không đắm vị của nó, vì (tránh) phần hận và não hại mà thủ hộ ý căn; trong tâm không sanh tham lam, buồn rầu và các pháp ác, bất thiện, vì hướng đến sự giải thoát mà thủ hộ ý căn. Này chư Hiền, tôi đã thành tựu Thánh giới thân này và rất tri túc, thánh thủ hộ các căn, chân chánh biết sự ra vào, khéo quán sát các cử chỉ co, duỗi, cúi, ngược, nghi dung đỉnh đặc, khéo đắp Tăng-già-lê và mang y, bát; đi, đứng, nằm, ngồi, ngủ, thức, nói năng, im lặng, tôi đều chân chánh nhận biết.”

“Này chư Hiền, tôi đã thành tựu Thánh giới thân này, rất tri túc và cũng thành tựu Thánh thủ hộ các căn, chân chánh biết sự ra vào; rồi sống riêng một mình tại nơi xa vắng, trong rừng vắng hoặc đến nơi gốc cây, nơi tĩnh mạch, vô sự, an nhàn, hoặc chỗ núi rừng, hang đá, đất trống, lùm cây, hoặc vào trong rừng, hoặc ở giữa gò mả. Này chư Hiền, tôi đã ở nơi rừng vắng hoặc dưới gốc cây, nơi yên tĩnh, trải tọa cụ ngồi kiết-già, thân ngay thẳng, chánh nguyện phần niệm vào trong, đoạn trừ tham lam, tâm không não hại; thấy của cải và dụng cụ sinh hoạt của người khác, không khởi lòng tham lam, muốn được về mình; đối với tâm tham lam, tôi đã tịnh trừ. Cũng như vậy, đối với tâm sân nhuế, thùy miên, trạo hối, đoạn nghi, độ hoặc; đối với các thiện pháp, tôi không còn do dự; đối với tâm nghi hoặc, tôi đã tịnh trừ.”

“Này chư Hiền, tôi đã đoạn trừ năm triền cái, chúng làm tâm ô uế, làm tuệ yếu kém; xa lìa dục, lìa pháp ác, bất thiện, cho đến chứng đắc Thiền thứ tư, thành tựu và an trú.”

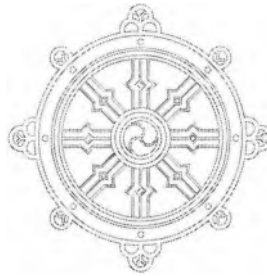
“Này chư Hiền, tôi đã được định tâm như vậy, thanh tịnh, không ô uế, không phiền nhiệt, nhu nhuyễn, an trú vững vàng, được bất động tâm, hướng đến chứng ngộ trí Lậu tận thông.”

“Này chư Hiền, tôi biết như thật rằng: ‘Đây là khổ’, biết như thật: ‘Đây là khổ tập’, biết như thật: ‘Đây là khổ diệt’ và biết như thật: ‘Đây là khổ diệt đạo’; biết như thật: ‘Đây là lậu’, ‘đây là lậu tập’, ‘đây là lậu diệt’ và ‘đây là lậu diệt đạo.’ Biết như vậy, thấy như vậy, tâm giải thoát dục lậu, tâm giải thoát hữu lậu và vô minh lậu; khi đã giải thoát, liền biết mình đã giải thoát và biết một cách như thật rằng: ‘Sự sanh đã hết, Phạm hạnh đã vững, điều cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa.’ Này chư Hiền, tôi biết như vậy, thấy như vậy đối với thân có thức bên trong và các tướng bên ngoài để có đoạn biên tri về tự ngã, tất cả của ta, ta và tự ngã như là tác giả và mạn kiết sử nhỏ tuyệt gốc rễ của chúng, không còn tái sanh nữa.”

Vị Tỳ-kheo đã dứt sạch các lậu và tự biết mình Phạm hạnh đã vững nên đáp như vậy. Các thầy sau khi nghe rồi nên khen là đúng và hoan hỷ phụng hành. Sau khi khen là đúng và hoan hỷ phụng hành rồi, các thầy nên nói với vị Tỳ-kheo ấy như vậy:

“Này Hiền giả, khi Hiền giả vừa nói, chúng tôi đã đẹp lòng, đã hoan hỷ, nhưng chúng tôi muốn theo Hiền giả để tăng tiến càng tăng tiến, mong cầu trí tuệ và ứng đối biện tài, vì vậy chúng tôi hỏi Hiền giả, rồi lại hỏi nữa.”

Phật thuyết như vậy, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.



188. KINH A-DI-NA

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trú tại Đông Viên, Lộc Tử Mẫu giảng đường.

Bấy giờ, vào lúc xế trưa, đức Thế Tôn từ tinh tọa dậy, bước xuống giảng đường, đi kinh hành trên khoảng đất trống, trong bóng mát của giảng đường và thuyết giảng rộng rãi về pháp thậm thâm vi diệu cho các Tỳ-kheo nghe.

Lúc ấy, đệ học A-di-na, đệ tử của Sa-môn Man-đầu, từ xa thấy đức Thế Tôn từ tinh tọa dậy, bước xuống giảng đường, đi kinh hành trên khoảng đất trống, trong bóng mát của giảng đường và thuyết giảng rộng rãi về pháp thậm thâm vi diệu cho các Tỳ-kheo nghe. Đệ học A-di-na, đệ tử của Sa-môn Man-đầu, đến chỗ Phật, chào hỏi và kinh hành theo Phật. Đức Thế Tôn quay lại hỏi:

– Này A-di-na, Sa-môn Man-đầu thật sự tư duy với năm trăm tư duy. Nếu có đệ học Sa-môn, Phạm chí nào là vị nhất thiết tri, nhất thiết kiến, tự cho là “Ta có tri kiến toàn triệt”, nhưng nếu có lầm lẫn thì vị ấy cũng nhận là lầm lẫn?

Đệ học A-di-na, đệ tử Sa-môn Man-đầu đáp:

– Thừa Cù-đàm, Sa-môn Man-đầu thật sự tư duy với năm trăm tư duy. Nếu có đệ học Sa-môn, Phạm chí nào là vị nhất thiết tri, nhất thiết kiến, tự cho là “Ta có tri kiến toàn triệt”, nhưng nếu có lầm lẫn thì vị ấy cũng phải tự nhận là lầm lẫn.

Đức Thế Tôn lại hỏi:

– Này A-di-na, thế nào là Sa-môn Man-đầu thật sự tư duy với năm trăm tư duy. Nếu có đệ học Sa-môn, Phạm chí nào là vị nhất thiết tri, nhất thiết kiến, tự cho là “Ta có tri kiến toàn triệt”, nhưng nếu có lầm lẫn thì vị ấy tự nhận là lầm lẫn?

Đệ học A-di-na, đệ tử Sa-môn Man-đầu đáp:

– Thừa Cù-đàm, Sa-môn Man-đầu nói như vậy: “Nếu khi đi, khi đứng, khi nằm, khi ngồi, khi ngủ, khi thức, lúc tối hay ban ngày thì vẫn thường không chướng ngại tri kiến. Nhưng cũng có khi gặp voi chạy càn, ngựa phóng đại, xe ruổi nhanh, lính bại trận, con trai chạy, con gái chạy, hoặc đi trên con đường nào đó mà gặp voi dữ, ngựa chướng, trâu hung, chó dại, hoặc ổ rắn, hoặc bị ném đất, hoặc bị gậy đánh, hoặc lọt xuống rãnh, hoặc rơi vào hầm xí, hoặc đạp lên trâu đang nằm, hoặc sa xuống hầm sâu, hoặc đâm vào bụi gai, hoặc vào thôn ấp phải hỏi tên, hỏi đường, hoặc gặp kẻ trai người gái phải hỏi họ, hỏi tên, hoặc nhìn

lầm nhà trống, hoặc vào dòng họ nào đó và khi vào rồi được hỏi rằng: ‘Ông ở đâu đến?’ Ta đáp rằng: ‘Này chư Hiền, tôi đi lộn đường.’” Thừa Cù-đàm, Samôn Man-đầu đại loại như vậy, tư duy với năm trăm tư duy. Nếu có dị học Samôn, Phạm chí nào là bậc nhất thiết tri, nhất thiết kiến, tự cho rằng: “Ta có tri kiến toàn triệt”, nhưng vị ấy cũng có những lầm lẫn như vậy.

Rồi đức Thế Tôn đi kinh hành đến cuối đường, dừng lại, trải tọa cụ, ngồi kiết-già và hỏi các Tỳ-kheo:

– Những sự kiện trí tuệ được Ta nói đến, các thầy có thọ trì chăng?

Các Tỳ-kheo im lặng, không đáp. Đức Thế Tôn hỏi như vậy đến ba lần:

– Những sự kiện trí tuệ được Ta nói đến, các thầy có thọ trì chăng?

Các Tỳ-kheo cũng ba lần im lặng, không đáp.

Lúc ấy, có một Tỳ-kheo liền từ chỗ ngồi đứng dậy, trích vai áo, chấp tay hướng đến Phật và bạch:

– Bạch Thế Tôn, nay thật là đúng lúc! Bạch Thiện Thệ, nay thật là đúng lúc! Nếu Thế Tôn nói những sự kiện trí tuệ cho các Tỳ-kheo nghe, các Tỳ-kheo sau khi nghe Thế Tôn nói, sẽ thọ trì cẩn thận.

Đức Thế Tôn nói:

– Này Tỳ-kheo, hãy nghe rõ và suy niệm kỹ, Ta sẽ phân tích cặn kẽ cho các thầy!

Bấy giờ, các Tỳ-kheo bạch:

– Chúng con kính vâng lời lắng nghe!

Đức Phật dạy:

– Có hai chúng, một là chúng pháp, hai là chúng phi pháp. Sao gọi là chúng phi pháp? Hoặc có người làm việc phi pháp, nói lời phi pháp, và chúng ấy cũng làm việc phi pháp, nói lời phi pháp. Người phi pháp ấy cầm đầu trong chúng phi pháp, theo những điều chính mình đã biết, nhưng lại bằng những lời hư vọng, không chân thật mà hiển thị, phân biệt, thiết định hành vi, lưu bố, tuần tự thuyết pháp, muốn đoạn trừ sự xấu xa trong tâm ý người khác, khi bị cật vấn thì không thể trả lời được; đối với trong Chánh pháp, Luật không thể xứng lập những điều chính mình đã biết, nhưng người phi pháp đứng đầu trong chúng phi pháp tự cho là “Ta có trí tuệ, hiểu biết tất cả.” Ở nơi nào mà sự kiện trí tuệ được nói đến như vậy, ở đó được gọi là chúng phi pháp.

Sao gọi là chúng pháp? Hoặc có người làm đúng như pháp, nói như pháp, và chúng ấy cũng làm đúng như pháp, nói như pháp. Người đúng pháp ấy đứng đầu trong chúng pháp, theo những điều chính mình đã biết, không bằng những lời hư vọng, mà bằng sự chắc thật, hiển thị, phân biệt, thiết định hành vi, lưu bố, tuần tự thuyết pháp, muốn đoạn trừ sự xấu xa trong tâm ý người khác, khi bị cật vấn thì có thể trả lời được; đối với Chánh pháp, Luật, có thể xứng lập những điều chính mình đã biết, và người ấy đứng đầu trong chúng pháp tự cho là “Ta

có trí tuệ, hiểu biết tất cả.” Ở nơi nào mà sự kiện trí tuệ được nói đến như vậy, ở đó được gọi là chúng pháp.

Cho nên các thầy nên biết pháp và phi pháp, nghĩa và phi nghĩa. Sau khi đã biết pháp và phi pháp, nghĩa và phi nghĩa rồi, các thầy nên học pháp như thật và nghĩa như thật.

Phật thuyết như vậy rồi, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, vào tịnh thất tĩnh tọa. Bấy giờ, các Tỳ-kheo liền suy nghĩ: “Chư Hiền nên biết, đức Thế Tôn chỉ nói vắn tắt ý nghĩa này, không phân biệt rộng rãi, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, vào tịnh thất tĩnh tọa: ‘Các thầy nên biết pháp và phi pháp, nghĩa và phi nghĩa. Sau khi đã biết pháp và phi pháp, nghĩa và phi nghĩa rồi, các thầy nên học pháp như thật và nghĩa như thật.’” Họ lại nghĩ rằng: “Chư Hiền, ai có thể phân biệt rộng rãi ý nghĩa mà đức Thế Tôn đã giảng thuyết vắn tắt?” Họ lại nghĩ rằng: “Tôn giả A-nan là thị giả của Phật, hiểu biết ý Phật, thường được Thế Tôn và các vị Phạm hạnh có trí khen ngợi; Tôn giả A-nan có thể phân biệt rộng rãi ý nghĩa mà đức Thế Tôn đã giảng thuyết vắn tắt. Chư Hiền, chúng ta cùng nhau đi đến chỗ Tôn giả A-nan mà yêu cầu nói ý nghĩa này. Nếu được tôn giả A-nan phân biệt cho, chúng ta sẽ khéo léo thọ trì.”

Rồi các Tỳ-kheo đi đến chỗ Tôn giả A-nan, chào hỏi xong, ngồi xuống một bên và thưa:

– Thưa Tôn giả A-nan, xin biết cho, đức Thế Tôn chỉ nói vắn tắt ý nghĩa này, không phân biệt rộng rãi, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, vào tịnh thất tĩnh tọa: “Các thầy nên biết pháp và phi pháp, nghĩa và phi nghĩa. Sau khi đã biết pháp và phi pháp, nghĩa và phi nghĩa rồi, các thầy nên học pháp như thật và nghĩa như thật.” Chúng tôi liền suy nghĩ: “Chư Hiền, ai có thể phân biệt rộng rãi ý nghĩa mà đức Thế Tôn đã giảng thuyết vắn tắt?” Chúng tôi lại nghĩ: “Tôn giả A-nan là thị giả Phật, hiểu biết ý Phật, thường được Thế Tôn và các vị Phạm hạnh có trí khen ngợi; Tôn giả A-nan có thể phân biệt rộng rãi ý nghĩa mà đức Thế Tôn đã giảng thuyết vắn tắt.” Cúi mong Tôn giả A-nan vì lòng từ mẫn mà phân biệt rộng rãi cho!

Tôn giả A-nan trả lời:

– Nay chư Hiền, hãy lắng nghe tôi nói ví dụ, người có trí nghe ví dụ thì hiểu rõ ý nghĩa!

Này chư Hiền, ví như có người muốn tìm lõi cây, vì muốn tìm lõi cây nên xách búa vào rừng. Người ấy thấy một gốc cây to, đã đầy đủ rễ, thân, đốt, cành, lá, hoa và lõi. Người ấy không đụng đến rễ, thân, đốt, lõi, mà chỉ đụng đến cành, lá. Những điều mà chư Hiền nói cũng giống như vậy, đức Thế Tôn đang còn đó mà chư Hiền lại bỏ đi và tìm đến tôi để hỏi ý nghĩa này. Vì sao vậy? Chư Hiền nên biết, Thế Tôn là bậc Có Mắt, là Trí, là Nghĩa, là Pháp, là Pháp Chủ, là Pháp Tướng, là bậc Nói Nghĩa Chơn Đệ, mọi cứu cánh được chỉ bày do bởi đức Thế Tôn. Chư Hiền nên đến chỗ đức Thế Tôn mà hỏi ý nghĩa này: “Bạch Thế Tôn,

điều này là thế nào? Điều này có ý nghĩa gì?” Đúng theo những lời Thế Tôn nói, chư Hiền hãy khéo léo thọ trì!

Lúc ấy, các Tỳ-kheo thưa:

– Thưa Tôn giả A-nan, vâng! Đức Thế Tôn là bậc Có Mắt, là Trí, là Nghĩa, là Pháp, là Pháp Chủ, là Pháp Tướng, là bậc Nói Nghĩa Chơn Để, mọi cứu cánh được chỉ bày do bởi đức Thế Tôn. Nhưng Tôn giả A-nan là thị giả của Phật, hiểu biết ý Phật, thường được Thế Tôn và các vị Phạm hạnh có trí khen ngợi. Thưa Tôn giả A-nan, Tôn giả có thể phân biệt rộng rãi ý nghĩa mà đức Thế Tôn đã giảng thuyết một cách vắn tắt. Cúi mong Tôn giả A-nan vì lòng từ mẫn mà phân biệt rộng rãi cho!

Tôn giả A-nan nói với các Tỳ-kheo:

– Nay chư Hiền, vậy hãy nghe tôi nói!

Này chư Hiền, tà kiến là phi pháp, chánh kiến là pháp. Nếu nhân bởi tà kiến mà sanh ra vô lượng pháp ác, bất thiện, đó gọi là phi nghĩa; nếu nhân bởi chánh kiến mà sanh ra vô lượng pháp thiện, đó gọi là nghĩa. Nay chư Hiền, cho đến tà trí là phi pháp, chánh trí là pháp. Nếu nhân bởi tà trí mà sanh ra vô lượng pháp ác, bất thiện, đó gọi là phi nghĩa; nếu nhân bởi chánh trí mà sanh ra vô lượng pháp thiện, đó gọi là nghĩa.

Này chư Hiền, sự kiện đức Thế Tôn chỉ nói vắn tắt ý nghĩa này, không phân biệt rộng rãi, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, vào tịnh thất tĩnh tọa: “Cho nên các thầy nên biết pháp và phi pháp, nghĩa và phi nghĩa. Sau khi đã biết pháp và phi pháp, nghĩa và phi nghĩa rồi, các thầy nên học pháp như thật và nghĩa như thật.” Ý nghĩa mà đức Thế Tôn chỉ nói vắn tắt chứ không phân biệt rộng rãi này, tôi bằng câu ấy, bằng văn ấy mà diễn rộng ra như vậy. Chư Hiền có thể đến trình bày đầy đủ lên đức Phật. Nếu đúng ý nghĩa mà đức Thế Tôn nói thì chư Hiền hãy thọ trì.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Tôn giả A-nan nói, khéo léo thọ trì, đọc thuộc, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, nhiễu quanh Tôn giả A-nan ba vòng rồi đi đến chỗ Phật, cúi đầu đánh lễ, ngồi xuống một bên và bạch:

– Bạch Thế Tôn, vừa rồi, Thế Tôn chỉ nói vắn tắt ý nghĩa này, không phân biệt rộng rãi, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, vào tịnh thất tĩnh tọa. Tôn giả A-nan đã bằng câu ấy, bằng văn ấy mà diễn rộng ra.

Đức Thế Tôn nghe xong, khen:

– Lành thay! Lành thay! Trong hàng đệ tử của Ta có những vị có mắt, có trí, có pháp, có nghĩa. Vì sao vậy? Vì Tôn sư nói ý nghĩa này cho đệ tử một cách vắn tắt mà không phân biệt rộng rãi; đệ tử bằng câu ấy, bằng văn ấy mà diễn rộng ra. Đúng như những gì A-nan nói, các thầy hãy như vậy mà thọ trì. Vì sao vậy? Vì thuyết quán nghĩa phải như vậy.

Đức Phật thuyết như vậy, các Tỳ-kheo ấy sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

189. KINH THÁNH ĐẠO

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật du hóa tại nước Câu-lâu-sấu, đô ấp Kiếm-ma-sắt-đàm-câu-lâu.

Bấy giờ, đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Có một con đường khiến chúng sanh được thanh tịnh, xả bỏ ưu sầu, dứt hết thống khổ, chứng được như pháp. Đó là Thánh chánh định, có tập, có trợ và cũng có cụ, bao gồm bảy chi. Thế nào là ở nơi Thánh chánh định nói tập, nói trợ và nói cụ bao gồm bảy chi? Đó là chánh kiến, chánh chí, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh phương tiện, chánh niệm. Nếu do bảy chi này mà có tập, có trợ và có cụ khéo hướng đến, tâm được chuyên nhất, đó gọi là Thánh chánh định có tập, có trợ và có cụ. Vì sao vậy? Vì chánh kiến sanh ra chánh chí; chánh chí sanh ra chánh ngữ; chánh ngữ sanh ra chánh nghiệp; chánh nghiệp sanh ra chánh mạng; chánh mạng sanh ra chánh phương tiện; chánh phương tiện sanh ra chánh niệm; nhờ có chánh niệm sanh ra chánh định. Hiền thánh đệ tử tâm được chánh định như vậy lập tức dứt sạch dâm, nộ, si. Hiền thánh đệ tử chánh tâm giải thoát như thế lập tức biết như thật rằng: “Sự sanh đã dứt, Phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa.”

Trong các chi ấy, chánh kiến đứng ngay hàng đầu. Nếu thấy tà kiến là tà kiến thì đó gọi là chánh kiến; nếu thấy chánh kiến là chánh kiến thì đó cũng gọi là chánh kiến.

Thế nào là tà kiến? Đó là cho rằng không có bố thí, không có trai tự, không có chú thuyết, không có thiện nghiệp, ác nghiệp, không có thiện báo, ác báo, không có đời này, không có đời sau, không có cha, không có mẹ; trên đời này không có bậc chân nhân đi đến thiện xứ, khéo ra khỏi cõi này, khéo hướng đến cõi kia, trong đời này hay đời sau mà tự tri, tự giác, tự tác chứng, thành tựu an trú. Như vậy gọi là tà kiến.

Thế nào gọi là chánh kiến? Đó là thấy rằng có bố thí, có trai tự, có chú thuyết, có thiện nghiệp, ác nghiệp, thiện báo, ác báo, có đời này, đời sau, có cha, có mẹ; trên đời có bậc chân nhân đi đến thiện xứ, khéo ra khỏi cõi này, khéo hướng đến cõi kia, đời này hay đời sau mà tự tri, tự giác, tự tác chứng, thành tựu an trú. Như vậy gọi là chánh kiến. Đó gọi là thấy tà kiến là tà kiến thì đó gọi là chánh kiến; thấy chánh kiến là chánh kiến thì đó cũng gọi là chánh kiến.

Khi biết như thế rồi, liền phát tâm cầu học, muốn đoạn trừ tà kiến, thành tựu chánh kiến, đó gọi là chánh phương tiện. Tỳ-kheo suy niệm về sự đoạn trừ nơi tà kiến, thành tựu chánh kiến, đó gọi là chánh niệm. Cả ba chi đi theo chánh kiến, do phương tiện của kiến, vì thế cho nên bảo là chánh kiến đứng ở hàng đầu.

Nếu thấy tà chí là tà chí thì đó gọi là chánh chí; nếu thấy chánh chí là chánh chí thì đó cũng gọi là chánh chí.

Thế nào gọi là tà chí? Đó là niệm dục, niệm nhuế, niệm hại, được gọi là tà chí. Thế nào gọi là chánh chí? Đó là không niệm dục, không niệm nhuế, không niệm hại, được gọi là chánh chí. Đó gọi là thấy tà chí là tà chí thì đó gọi là chánh chí; thấy chánh chí là chánh chí thì đó cũng gọi là chánh chí.

Khi biết như thế rồi, liền phát tâm cầu học, muốn đoạn trừ tà chí, thành tựu chánh chí, đó gọi là chánh phương tiện. Tỳ-kheo suy niệm sự đoạn trừ nơi tà chí, thành tựu chánh chí, đó gọi là chánh niệm. Tất cả ba chi này đi theo chánh chí, do phương tiện của kiến, vì thế cho nên bảo là chánh kiến đứng ở hàng đầu.

Nếu thấy tà ngữ là tà ngữ thì đó gọi là chánh ngữ; nếu thấy chánh ngữ là chánh ngữ thì đó cũng gọi là chánh ngữ.

Thế nào gọi là tà ngữ? Nói dối, nói hai lưỡi, nói lời thô ác, nói lời thù hận, đó gọi là tà ngữ. Thế nào là chánh ngữ? Không nói dối, không nói hai lưỡi, không nói lời thô ác, không nói lời thù hận, đó gọi là chánh ngữ. Đó gọi là thấy tà ngữ là tà ngữ thì đó gọi là chánh ngữ; thấy chánh ngữ là chánh ngữ thì đó cũng gọi là chánh ngữ.

Khi biết như vậy rồi, liền phát tâm cầu học, muốn đoạn trừ tà ngữ, thành tựu chánh ngữ, đó gọi là chánh phương tiện. Tỳ-kheo suy niệm sự đoạn trừ tà ngữ, thành tựu chánh ngữ, đó gọi là chánh niệm. Cả ba chi này đi theo chánh ngữ, do phương tiện của kiến, vì thế cho nên bảo là chánh kiến đứng ở hàng đầu.

Nếu thấy tà nghiệp là tà nghiệp thì đó gọi là chánh nghiệp; nếu thấy chánh nghiệp là chánh nghiệp thì đó cũng gọi là chánh nghiệp.

Thế nào gọi là tà nghiệp? Sát sanh, trộm cướp, tà dâm, đó gọi là tà nghiệp. Thế nào gọi là chánh nghiệp? Lìa sát sanh, trộm cướp, tà dâm, đó gọi là chánh nghiệp. Đó gọi là thấy tà nghiệp là tà nghiệp thì đó gọi là chánh nghiệp; thấy chánh nghiệp là chánh nghiệp thì đó cũng gọi là chánh nghiệp.

Khi biết như thế rồi, liền phát tâm cầu học, muốn đoạn trừ tà nghiệp, thành tựu chánh nghiệp, đó gọi là chánh phương tiện. Tỳ-kheo suy niệm sự đoạn trừ tà nghiệp, thành tựu chánh nghiệp, đó gọi là chánh niệm. Cả ba chi này đi theo chánh nghiệp, do kiến làm phương tiện, vì thế cho nên bảo là chánh kiến đứng ở hàng đầu.

Nếu thấy tà mạng là tà mạng thì đó gọi là chánh mạng; nếu thấy chánh mạng là chánh mạng thì đó cũng gọi là chánh mạng.

Thế nào gọi là tà mạng? Nếu có mong cầu mà không biết đủ, dùng các loại chú thuật súc sanh, sống theo lối tà mạng, sống không đúng pháp cầu y thực, giường chõng, thuốc thang và các nhu yếu sinh sống; dùng phi pháp như thế gọi là tà mạng. Thế nào là chánh mạng? Nếu sự mong cầu biết đủ, không dùng các loại chú thuật súc sanh, không sống theo lối tà mạng, sống đúng pháp cầu y thực, giường chõng, thuốc thang và các nhu yếu sinh sống; dùng đúng pháp như thế gọi là chánh mạng. Đó gọi là thấy tà mạng là tà mạng thì đó gọi là chánh mạng; thấy chánh mạng là chánh mạng thì đó cũng gọi là chánh mạng.

Khi biết như thế rồi, liền phát tâm cầu học, muốn đoạn trừ tà mạng, thành tựu chánh mạng, đó gọi là chánh phương tiện. Tỳ-kheo suy niệm đoạn trừ sự tà mạng, thành tựu chánh mạng, đó gọi là chánh niệm. Cả ba chi này đi theo chánh mạng, do kiến làm phương tiện, vì thế cho nên bảo là chánh kiến đứng ở hàng đầu.

Thế nào gọi là chánh phương tiện? Vị Tỳ-kheo đối với ác pháp đã sanh, vì để đoạn trừ nên phát khởi ý dục, tìm phương tiện, tinh cần, sách lệ tâm mà tiêu diệt; đối với ác pháp chưa sanh, vì để nó không sanh nên phát khởi ý dục, tìm phương tiện, tinh cần, sách lệ tâm mà tiêu diệt; đối với thiện pháp chưa sanh, vì để sanh nên phát khởi ý dục, tìm phương tiện, tinh cần, sách lệ tâm mà tiêu diệt; đối với thiện pháp đã sanh, vì để tồn tại không mất, không lui sụt, để tăng trưởng phát triển, tu tập đầy đủ, nên phát khởi ý dục, tìm phương tiện, tinh cần, sách lệ mà tâm tiêu diệt. Đó gọi là chánh phương tiện.

Thế nào gọi là chánh niệm? Tỳ-kheo quán nội thân như thân, cho đến quán thọ, tâm, quán pháp như pháp. Đó gọi là chánh niệm.

Thế nào gọi là chánh định? Tỳ-kheo ly dục, ly pháp ác, bất thiện, cho đến chứng Thiền thứ tư, thành tựu an trú. Đó gọi là chánh định.

Thế nào gọi là chánh giải thoát? Tỳ-kheo tâm giải thoát dục, tâm giải thoát nhuế, si. Đó gọi là chánh giải thoát.

Thế nào gọi là chánh trí? Tỳ-kheo biết tâm giải thoát dục, tâm giải thoát nhuế, si. Đó gọi là chánh trí.

Đó là bậc Hữu học thành tựu tám chi, Lưu tận A-la-hán thành tựu mười chi.

Thế nào là Hữu học thành tựu tám chi? Đó là học từ chánh kiến cho đến chánh định. Đó là Hữu học thành tựu tám chi.

Thế nào là Lưu tận A-la-hán thành tựu mười chi? Đó là Vô học chánh kiến cho đến Vô học chánh trí. Đó là Lưu tận A-la-hán thành tựu mười chi. Vì sao như vậy? Vì chánh kiến là đoạn trừ tà kiến. Nếu nhân tà kiến mà sanh vô lượng pháp ác, bất thiện, vì ấy cũng đoạn trừ nó. Nếu nhân chánh kiến sanh ra vô lượng pháp thiện, vì ấy tu tập được sung mãn. Cho đến chánh trí đoạn trừ tà trí. Nếu nhân tà trí mà sanh vô lượng pháp ác, bất thiện, vì ấy cũng đoạn trừ nó. Nếu nhân chánh trí mà sanh vô lượng pháp thiện, vì ấy tu tập để được sung mãn.

Đó là hai mươi phẩm thiện và hai mươi phẩm bất thiện. Đó là tuyên thuyết bốn mươi đại pháp phẩm được chuyển vận nơi Phạm luân mà không một ai có thể chặn đứng được, dù là Sa-môn, Phạm chí, chư Thiên, Ma, Phạm và các loại thế gian khác. Đối với bốn mươi đại pháp phẩm mà Ta tuyên thuyết được chuyển vận nơi Phạm luân ấy, không một ai có thể chặn đứng dù là Sa-môn, Phạm chí, chư Thiên, Ma, Phạm và các loại thế gian khác; mà nếu có Sa-môn, Phạm chí nào phi bác, vị ấy đối với như pháp có mười trường hợp đáng bị chỉ trích. Những gì là mười?

Hoặc chê bai chánh kiến, khen ngợi tà kiến. Nếu có Sa-môn, Phạm chí nào có tà kiến mà hoặc cúng dường vị ấy, hoặc tán thán vị ấy; đối với bốn mươi đại pháp phẩm mà Ta tuyên thuyết được chuyển vận nơi Phạm luân, không một ai có thể chặn đứng dù là Sa-môn, Phạm chí, chư Thiên, Ma, Phạm và các loại thế gian khác ấy, mà nếu có Sa-môn, Phạm chí nào phi bác, vị ấy đối với như pháp, đây là trường hợp thứ nhất đáng bị chỉ trích.

Hoặc chê bai cho đến chánh trí, khen ngợi tà trí. Nếu có Sa-môn, Phạm chí nào có tà trí mà hoặc cúng dường vị ấy, hoặc tán thán vị ấy; đối với bốn mươi đại pháp phẩm mà Ta tuyên thuyết được chuyển vận nơi Phạm luân, không một ai có thể chặn đứng dù là Sa-môn, Phạm chí, chư Thiên, Ma, Phạm và các loại thế gian khác ấy, mà có Sa-môn, Phạm chí nào phi bác, vị ấy đối với như pháp, đây là trường hợp thứ mười đáng bị chỉ trích.

Đó gọi là đối với như pháp có mười trường hợp đáng bị chỉ trích, nếu có Sa-môn, Phạm chí nào đối với bốn mươi đại pháp phẩm mà Ta tuyên thuyết, được chuyển vận nơi Phạm luân, không một ai có thể chặn đứng dù là Sa-môn, Phạm chí, chư Thiên, Ma, Phạm và các loại thế gian khác mà phi bác.

Lại có những Sa-môn, Phạm chí khác sống ngồi chồm hổm, thuyết giảng sự ngồi chồm hổm, sống vô sở hữu, thuyết giảng vô sở hữu, thuyết vô nhân, thuyết vô tác, thuyết vô nghiệp, nghĩa là đối với thiện, ác được tạo tác bởi người này hay người kia mà chủ trương đoạn tuyệt, phá hoại ở kia hay ở đây; những người ấy đối với bốn mươi đại pháp phẩm mà Ta tuyên thuyết được chuyển vận nơi Phạm luân, không một ai có thể chặn đứng dù là Sa-môn, Phạm chí, chư Thiên, Ma, Phạm và các loại thế gian khác, những người ấy cũng có sự chỉ trích, lo lắng, sợ hãi.

Đức Phật thuyết như vậy, các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

190. KINH TIỂU KHÔNG

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật du hóa tại nước Xá-vệ, tại Đông Viên, Lộc Tử Mẫu giảng đường.

Bấy giờ, Tôn giả A-nan vào lúc xế trưa, từ thiền tọa đứng dậy, đi đến chỗ Phật, cúi đầu đánh lễ dưới chân Phật rồi đứng sang một bên và bạch:

– Bạch Thế Tôn, một thời, Thế Tôn du hành giữa những người họ Thích, trong thành tên là Thích đô ấp. Lúc ấy, con được nghe Thế Tôn nói nghĩa như vậy: “Này A-nan, Ta phân nhiều an trú nơi Không!” Bạch Thế Tôn, có phải là con biết rõ, nhận rõ và nhớ kỹ không?

Bấy giờ, Thế Tôn đáp:

– Này A-nan, những lời của Ta nói, thầy thật sự biết rõ, nhận rõ và nhớ kỹ. Vì sao? Vì từ trước đến nay, Ta phân nhiều an trú nơi Không!

Này A-nan, như giảng đường Lộc Tử Mẫu này trống không, không có voi, ngựa, trâu, dê, tài vật, lúa, thóc, nô tỳ, nhưng có cái không trống không, đó là chỉ có chúng Tỳ-kheo. Cho nên, này A-nan, nếu những gì không có ở trong giảng đường này thì vì thế mà Ta thấy là không; nếu những thứ khác mà có thì Ta thấy thật sự là có. Này A-nan, đây gọi là an trú chân thật tánh không, không điên đảo.

Này A-nan, Tỳ-kheo nào nếu muốn an trú nhiều trong tánh không, Tỳ-kheo ấy đừng suy niệm đến ý tưởng về xóm làng, đừng suy niệm đến ý tưởng về người, mà hãy thường suy niệm đến một ý tưởng thuần nhất về rừng vắng. Vị ấy nhận biết như vậy: “Trống không ý tưởng về xóm làng, trống không ý tưởng về người; nhưng có một cái không trống không, đó là chỉ có ý tưởng thuần nhất về rừng vắng.” Vị ấy biết rằng: “Nếu có sự phiền chán do ý tưởng về xóm làng thì ở đây ta không có sự ấy. Nếu có sự phiền chán do ý tưởng về người thì ở đây ta cũng không có sự ấy. Ở đây, chỉ có sự phiền chán do ý tưởng thuần nhất về rừng vắng.” Nếu trong đó không có gì cả thì chính do đó mà vị ấy thấy là trống không; nếu trong đó còn có cái khác thì vị ấy thấy là chân thật có. Này A-nan, đó là an trú chân thật tánh không, không điên đảo.

Lại nữa, này A-nan, Tỳ-kheo nếu muốn an trú nhiều trong tánh không, Tỳ-kheo ấy đừng suy niệm đến ý tưởng về người, đừng suy niệm đến ý tưởng về rừng vắng, mà hãy thường suy niệm đến ý tưởng thuần nhất về đất. Tỳ-kheo ấy nếu thấy đất này có cao, có thấp, có ổ răn, có bụi gai, có cát, có đá, núi lởm

chôm, sông sâu thì chó có suy niệm đến; nếu thấy đất này bằng phẳng như lòng bàn tay, chỗ trông ra được rõ ràng thì hãy thường suy niệm đến. Nay A-nan, ví như da trâu, lấy một trăm cây đinh mà căng ra; sau khi căng ra thì rất thẳng, không nhăn, không rút lại. Nếu thấy chỗ đất này có cao, có thấp, có ổ rần, có bụi gai, có cát, có đá, có lờm chờm, sông sâu thì chó có suy niệm đến; nếu thấy chỗ đất này bằng phẳng như lòng bàn tay, chỗ trông ra được rõ ràng thì hãy thường suy niệm đến. Vị ấy biết như vậy, biết rằng: “Trống không ý tưởng về người, trống không về ý tưởng rừng vắng; nhưng có một cái không trống không, đó là chỉ có ý tưởng thuần nhất về đất.” Vị ấy biết rằng: “Nếu có sự phiền chán do ý tưởng về người thì ở đây ta không có sự ấy. Nếu có sự phiền chán do ý tưởng về rừng vắng thì ở đây ta cũng không có sự ấy. Ở đây, chỉ có sự phiền chán do ý tưởng thuần nhất về đất.” Nếu trong đó không có gì cả thì chính do đó mà vị ấy thấy là trống không; nếu trong đó còn có cái khác thì vị ấy thấy là chân thật có. Nay A-nan, đó là an trú chân thật tánh không, không điên đảo.

Lại nữa, nay A-nan, Tỳ-kheo nếu muốn an trú nhiều trong tánh không, Tỳ-kheo ấy đừng suy niệm đến ý tưởng về rừng vắng, đừng suy niệm đến ý tưởng về đất, mà hãy thường suy niệm đến ý tưởng thuần nhất về Vô lượng không xứ. Vị ấy nhận biết như vậy: “Trống không ý tưởng về rừng vắng, trống không ý tưởng về đất; nhưng có một cái không trống không, đó là chỉ có ý tưởng thuần nhất về Vô lượng không xứ.” Vị ấy biết rằng: “Nếu có sự phiền chán do ý tưởng về rừng vắng thì ở đây ta không có sự ấy. Nếu có sự phiền chán do ý tưởng về đất thì ở đây ta cũng không có sự ấy. Ở đây, chỉ có sự phiền chán do ý tưởng thuần nhất về Vô lượng không xứ.” Nếu trong đó không có gì cả thì chính do đó mà vị ấy thấy trống không; nếu trong đó còn có cái khác thì vị ấy thấy là chân thật có. Nay A-nan, đó là an trú chân thật tánh không, không điên đảo.

Lại nữa, nay A-nan, Tỳ-kheo muốn an trú nhiều trong tánh không, Tỳ-kheo ấy đừng suy niệm đến ý tưởng về đất, đừng suy niệm đến ý tưởng về Vô lượng không xứ, mà hãy thường suy niệm đến ý tưởng thuần nhất về Vô lượng thức xứ. Vị ấy nhận biết như vậy: “Trống không ý tưởng về đất, trống không về ý tưởng Vô lượng không xứ; nhưng có một cái không trống không, đó là chỉ có ý tưởng thuần nhất về Vô lượng thức xứ.” Vị ấy biết rằng: “Nếu có sự phiền chán do ý tưởng về đất thì ở đây ta không có sự ấy. Nếu có sự phiền chán do ý tưởng về Vô lượng không xứ thì ở đây ta cũng không có sự ấy. Ở đây, chỉ có sự phiền chán do ý tưởng thuần nhất về Vô lượng thức xứ.” Nếu trong đó không có gì cả thì chính vì vậy mà vị ấy thấy là trống không; nếu trong đó còn có một cái khác thì vị ấy thấy là chân thật có. Nay A-nan, đó là an trú chân thật tánh không, không điên đảo.

Lại nữa, nay A-nan, Tỳ-kheo nếu muốn an trú nhiều trong tánh không, Tỳ-kheo ấy đừng suy niệm đến ý tưởng về Vô lượng không xứ, đừng suy niệm về

Vô lượng thức xứ, mà hãy thường suy niệm đến ý tưởng thuần nhất về Vô sở hữu xứ. Vị ấy nhận biết như vậy: “Trống không ý tưởng về Vô lượng thức xứ, trống không ý tưởng về Vô lượng thức xứ; nhưng có cái không trống không, đó là chỉ có ý tưởng thuần nhất về Vô sở hữu xứ.” Vị ấy biết rằng: “Nếu có sự phiền chán do ý tưởng về Vô lượng thức xứ thì ở đây ta không có sự ấy. Nếu có sự phiền chán do ý tưởng về Vô lượng thức xứ thì ở đây ta cũng không có sự ấy. Ở đây, chỉ có sự phiền chán do ý tưởng về Vô sở hữu xứ.” Nếu trong đó không có gì cả thì chính vì vậy mà vị ấy thấy là trống không; nếu trong đó còn có cái khác thì vị ấy thấy là chân thật có. Nay A-nan, đó là an trú chân thật tánh không, không điên đảo.

Lại nữa, nay A-nan, Tỳ-kheo nếu muốn an trú nhiều trong tánh không, Tỳ-kheo ấy đừng suy niệm đến ý tưởng về Vô lượng thức xứ, đừng suy niệm đến ý tưởng về Vô sở hữu xứ, mà hãy thường suy niệm thuần nhất về Vô tướng tâm định. Vị ấy nhận biết như vậy: “Trống không ý tưởng về Vô lượng thức xứ, trống không ý tưởng về Vô sở hữu xứ; nhưng có cái không trống không, đó là chỉ có ý tưởng thuần nhất về Vô tướng tâm định.” Vị ấy biết rằng: “Nếu có sự phiền chán do ý tưởng về Vô lượng thức xứ thì ở đây ta không có sự ấy. Nếu có sự phiền chán do ý tưởng về Vô sở hữu xứ thì ở đây ta cũng không có sự ấy. Ở đây, chỉ có sự phiền chán do ý tưởng thuần nhất về Vô tướng tâm định.” Nếu trong đó không có gì cả thì chính vì vậy mà vị ấy thấy là trống không; nếu trong đó còn có cái khác thì vị ấy thấy là chân thật có. Nay A-nan, đó là an trú chân thật tánh không, không điên đảo.

Vị ấy lại suy nghĩ như vậy: “Vô tướng tâm định mà ta đã có đây, vốn là sở hành, vốn là sở tư. Nếu vốn là sở hành, vốn là sở tư thì ta không ái lạc nó, không mong cầu nó, không nên an trú trên nó.” Vị ấy biết như vậy, thấy như vậy, tâm giải thoát dục lậu, tâm giải thoát hữu lậu và vô minh lậu; giải thoát rồi thì biết là mình đã giải thoát, biết như thật rằng: “Sự sanh đã dứt, Phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa.” Vị ấy biết như vậy: “Trống không dục lậu, trống không hữu lậu, trống không vô minh lậu; nhưng có cái không trống không, đó là chỉ có thân này của ta với sáu xứ cho mạng tồn tại.” Vị ấy biết rằng: “Nếu có sự phiền chán do dục lậu thì ta không có sự ấy. Nếu có sự phiền chán do hữu lậu và vô minh lậu thì ta cũng không có sự ấy. Ở đây, chỉ có sự phiền chán do nơi thân này của ta và sáu xứ cho mạng tồn tại.” Nếu trong đó không có gì cả thì chính vì vậy mà vị ấy thấy là trống không; nếu trong đó còn có cái khác thì vị ấy thấy là chân thật có. Nay A-nan, đó là an trú chân thật tánh không, không điên đảo. Đó là lậu tận, vô lậu, vô vi, tâm giải thoát.

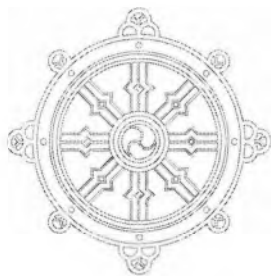
Nay A-nan, trong quá khứ, nếu có các đức Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, các vị ấy đều an trú chân thật tánh không, không điên đảo này, đó là lậu tận, vô lậu, vô vi, tâm giải thoát.

Này A-nan, trong vị lai, nếu có các đức Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, các vị ấy đều an trú chân thật tánh không, không điên đảo này, đó là lậu tận, vô lậu, vô vi, tâm giải thoát.

Này A-nan, trong hiện tại, Ta là Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Ta cũng an trú chân thật tánh không, không điên đảo này, đó là lậu tận, vô lậu, vô vi, tâm giải thoát.

Cho nên, này A-nan, hãy học như vậy!

Đức Phật thuyết như vậy, Tôn giả A-nan và các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.



191. KINH ĐẠI KHÔNG

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật du hóa giữa những người họ Thích, ở trong thành Ca-duy-la-vệ, rừng Ni-câu-loại.

Bấy giờ, đức Thế Tôn sau khi đêm đã qua, vào buổi sáng sớm, đắp y, cầm bát đi vào thành Ca-duy-la-vệ khát thực. Sau khi ăn xong, sau buổi trưa, Ngài đi đến tinh xá Ca-la-sai-ma-thích. Lúc bấy giờ, tại tinh xá Ca-la-sai-ma-thích có sắp đặt rất nhiều giường chõng, có rất nhiều Tỳ-kheo trú nghỉ ở trong đó. Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn từ trong tinh xá Ca-la-sai-ma-thích đi ra, đến tinh xá Già-la-thích. Bấy giờ, Tôn giả A-nan và rất nhiều Tỳ-kheo ở trong tinh xá Già-la-thích đang làm y, Tôn giả A-nan từ xa trông thấy đức Phật sắp đến, liền ra nghinh tiếp, cầm y bát của Phật, trở vào trải giường ngồi, múc nước rửa chân. Phật rửa chân rồi ngồi trên chỗ ngồi mà A-nan đã trải sẵn trong tinh xá Già-la-thích và nói:

– Này A-nan, trong tinh xá Ca-la-sai-ma-thích có sắp đặt rất nhiều giường chõng, có rất nhiều Tỳ-kheo trú nghỉ ở trong đó chẳng?

Tôn giả A-nan bạch:

– Quả như vậy, bạch Thế Tôn, trong tinh xá Ca-la-sai-ma-thích có sắp đặt rất nhiều giường chõng và có rất nhiều Tỳ-kheo đang trú nghỉ ở trong đó. Vì sao? Vì chúng con hôm nay đang làm y.

Bấy giờ, đức Thế Tôn bảo A-nan:

– Tỳ-kheo không nên ham muốn nói chuyện ồn ào, hoan lạc trong sự nói chuyện ồn ào, tụ tập để nói chuyện ồn ào, ham muốn đông người, hoan lạc với sự đông người, tụ tập đông người, không thích rời xa chỗ đông người, không thích sông cô độc ở nơi xa vắng. Tỳ-kheo nào ham nói chuyện ồn ào, hoan lạc trong sự nói chuyện ồn ào, tụ tập để nói chuyện ồn ào, ham muốn đông người, hoan lạc với sự đông người, tụ tập đông người, không muốn rời xa chỗ đông người, không thích sông cô độc ở nơi xa vắng; vị ấy nếu có hoan lạc nơi sự hoan lạc của bậc Thánh, hoan lạc vô dục, hoan lạc viễn ly, hoan lạc tịch tịnh, hoan lạc chánh giác, hoan lạc không tài sản, hoan lạc phi sanh tử thì đối với những hoan lạc này, vị ấy đạt được dễ dàng, không khó; trường hợp này không thể xảy ra.

Này A-nan, Tỳ-kheo nào không ham muốn nói chuyện ồn ào, không hoan lạc trong sự nói chuyện ồn ào, không tụ tập để nói chuyện ồn ào, không ham muốn đông người, không hoan lạc với sự đông người, không tụ tập đông người,

muốn xa rời chỗ đông người, thường hoan lạc trong sự sống cô độc nơi xa vắng; vị ấy nếu có sự hoan lạc của bậc Thánh, hoan lạc vô dục, hoan lạc viễn ly, hoan lạc tịch tịnh, hoan lạc chánh giác, hoan lạc không tài sản, hoan lạc phi sanh tử thì đối với những hoan lạc này, vị ấy đạt được dễ dàng, không khó; trường hợp này tất có xảy ra.

Này A-nan, Tỳ-kheo không nên ham muốn nói chuyện ồn ào, hoan lạc trong sự nói chuyện ồn ào, tụ tập để nói chuyện ồn ào, ham muốn đông người, hoan lạc với sự đông người, tụ tập đông người, không thích rời xa chỗ đông người, không thích cô độc nơi xa vắng. Tỳ-kheo nào ham muốn nói chuyện ồn ào, hoan lạc trong sự nói chuyện ồn ào, tụ tập để nói chuyện ồn ào, ham muốn đông người, hoan lạc với sự đông người, tụ tập đông người, không muốn rời xa chỗ đông người, không thích sống ở nơi cô độc xa vắng; nếu vị ấy chứng đắc thời ái tâm giải thoát và bất thời bất động tâm giải thoát; trường hợp này hoàn toàn không xảy ra.

Này A-nan, Tỳ-kheo nào không ham muốn nói chuyện ồn ào, không hoan lạc trong sự nói chuyện ồn ào, không tụ tập để nói chuyện ồn ào, không ham muốn đông người, không hoan lạc với sự đông người, không tụ tập đông người, muốn xa rời chỗ đông người, thường hoan lạc trong sự sống cô độc nơi xa vắng; vị ấy chứng đắc thời ái tâm giải thoát và bất thời bất động tâm giải thoát; trường hợp này tất có xảy ra. Vì sao vậy?

Này A-nan, Ta không thấy có một sắc nào khiến Ta ham muốn, hoan lạc; và khi sắc ấy bại hoại, biến dịch, đổi khác thì sanh ra sầu, bi, khóc lóc, ưu, khổ, ảo não. Vì vậy, Ta an trú nơi một trú xứ khác mà thành tựu Chánh đẳng Chánh giác, đó là vượt qua tất cả sắc tướng, an trú nơi ngoại không. Này A-nan, Ta an trú nơi trú xứ này rồi, phát sanh sự hoan duyệt; sự hoan duyệt này Ta cảm thọ trong toàn thân với chánh niệm, chánh trí, rồi phát sanh hỷ, phát sanh khinh an, phát sanh lạc, phát sanh định; định này Ta cảm thọ toàn thân với chánh niệm, chánh trí. Này A-nan, nếu có Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc hay ưu-bà-di nào tìm đến Ta, Ta sẽ vì họ mà an trú tâm như vậy, viễn ly, an lạc, vô dục; Ta cũng vì họ mà thuyết pháp, khuyến khích, hỗ trợ họ.

Này A-nan, Tỳ-kheo nào muốn thường an trú trong tánh không, Tỳ-kheo ấy sẽ giữ vững nội tâm, an trú, tĩnh chỉ, khiến được chuyên nhất và định. Vị ấy sau khi giữ vững nội tâm, an trú, tĩnh chỉ, khiến được chuyên nhất và định rồi, hãy suy niệm về nội không. Này A-nan, nếu Tỳ-kheo nói như vậy: “Tôi không giữ vững nội tâm, an trú, tĩnh chỉ, không khiến được chuyên nhất và định”, thì này A-nan, nên biết vị ấy tự làm cho mình rất phiền nhọc. Này A-nan, thế nào là Tỳ-kheo giữ vững nội tâm, an trú, tĩnh chỉ, khiến được chuyên nhất và định? Tỳ-kheo đối với thân này có hỷ lạc do ly dục phát sanh, thấm ướt khắp tất cả, thấm nhuần một cách phổ biến sung mãn; hỷ lạc do ly dục sanh không chỗ nào không biến mãn. Này A-nan, cũng như một người tắm gội, bỏ bọt tắm trong

đồ đựng rồi đổ nước vào, khuấy rất đều cho nổi bọt lên, thấm ướt, thấm nhuần khắp tất cả, phổ biến sung mãn, trong ngoài kín đáo, không có chỗ nào rỉ ra. Cũng vậy, này A-nan, Tỳ-kheo nơi thân này có hỷ lạc do ly dục phát sanh, thấm ướt khắp tất cả, thấm ướt một cách phổ biến sung mãn; hỷ lạc do ly dục sanh không có chỗ nào không biến mãn.

Này A-nan, như vậy, Tỳ-kheo giữ vững nội tâm an trú, tỉnh chỉ, khiến cho chuyên nhất và định rồi, hãy suy niệm về nội không. Vị ấy sau khi suy niệm về nội không rồi, tâm bèn di động, không hướng đến gần, không được lặng trong, không an trú, không giải thoát đối với nội không; Tỳ-kheo ấy hãy suy niệm về ngoại không.

Vị ấy sau khi suy niệm về ngoại không rồi, tâm di động, không hướng đến gần, không được lặng trong, không an trú, không giải thoát đối với ngoại không. Này A-nan, nếu Tỳ-kheo trong lúc quán, biết rằng mình đang suy niệm về ngoại không mà tâm di động, không hướng đến gần, không được lặng trong, không an trú, không được giải thoát đối với ngoại không, Tỳ-kheo ấy hãy suy nghĩ về nội ngoại không.

Vị ấy sau khi suy niệm về nội ngoại không rồi mà tâm di động, không hướng đến gần, không được lặng trong, không an trú, không giải thoát đối với nội ngoại không. Này A-nan, nếu Tỳ-kheo trong lúc quán, biết rằng mình đang suy niệm về nội ngoại không mà tâm di động, không hướng đến gần, không được lặng trong, không an trú, không được giải thoát đối với nội ngoại không, Tỳ-kheo ấy hãy suy niệm về sự không di động.

Vị ấy sau khi suy niệm về sự không di động mà tâm di động, không hướng đến gần, không được lặng trong, không an trú, không giải thoát đối với sự bất di động. Này A-nan, nếu Tỳ-kheo nào trong lúc quán sát, biết rằng mình đang suy niệm về sự không di động mà tâm di động, không hướng đến gần, không được lặng trong, không an trú, không giải thoát đối với sự không di động; Tỳ-kheo ấy có tâm như thể này hay thể khác, bằng định như thể này hay thể khác mà điều phục rồi lại điều phục, tu tập rồi lại tu tập, nhu nhuyển rồi lại nhu nhuyển, rất hân hoan trong sự nhu hòa, rất tịnh lạc trong sự viễn ly. Nếu vị ấy có tâm như thể này hay thể khác, bằng định như thể này hay thể khác mà điều phục rồi lại điều phục, tu tập rồi lại tu tập, nhu nhuyển rồi lại nhu nhuyển, rất hân hoan trong sự nhu hòa, rất tịnh lạc trong sự viễn ly rồi, hãy bằng nội không mà thành tựu an trú. Vị ấy sau khi nội không thành tựu, an trú, tâm không di động, hướng đến gần, được lặng trong, an trú, giải thoát đối với nội không. Này A-nan, Tỳ-kheo trong lúc quán, biết nội không thành tựu, an trú, tâm không di động, hướng đến gần, được lặng trong, an trú, được giải thoát đối với nội không; đó là chánh tri.

Này A-nan, Tỳ-kheo hãy bằng ngoại không thành tựu an trú. Vị ấy sau khi bằng ngoại không thành tựu an trú thì tâm không di động, hướng đến gần, được

lặng trong, an trú, giải thoát đối với ngoại không. Nay A-nan, như vậy, Tỳ-kheo trong lúc quán, biết ngoại không thành tựu an trú, tâm không di động, hướng đến gần, được lặng trong, an trú, giải thoát đối với ngoại không; đó là chánh tri.

Nay A-nan, Tỳ-kheo hãy bằng nội ngoại không thành tựu an trú. Vị ấy sau khi bằng nội ngoại không thành tựu an trú thì tâm không di động, hướng đến gần, được lặng trong, an trú, giải thoát đối với nội ngoại không. Nay A-nan, như vậy, Tỳ-kheo trong lúc quán, biết nội ngoại không thành tựu an trú, tâm không di động, hướng đến gần, được lặng trong, an trú, giải thoát đối với nội ngoại không; đó gọi là chánh tri.

Nay A-nan, hãy bằng bất di động thành tựu an trú. Vị ấy sau khi bằng bất di động thành tựu an trú, tâm không di động, hướng đến gần, được lặng trong, an trú, giải thoát đối với bất di động. Nay A-nan, như vậy, Tỳ-kheo trong lúc quán, biết bất di động thành tựu an trú, tâm không di động, hướng đến gần, được lặng trong, an trú, giải thoát đối với bất di động; đó gọi là chánh tri.

Nay A-nan, vị Tỳ-kheo ấy với tâm an trú trên trú xứ này, nếu muốn kinh hành, Tỳ-kheo ấy từ thiền thất đi ra, đi kinh hành trên khoảng đất trống, trong bóng mát của thiền thất, các căn hướng vào trong tâm, không hướng ra ngoài, lấy phía sau tác ý làm phía trước. Sau khi kinh hành như vậy rồi, trong tâm không sanh tham lam, ưu sầu, các ác, bất thiện pháp; đó gọi là chánh tri.

Nay A-nan, vị Tỳ-kheo ấy với tâm an trú trong trú xứ này, nếu muốn tọa định, Tỳ-kheo ấy rời khỏi chỗ kinh hành, đến cuối con đường kinh hành, trải ni-sư-đàn, ngồi kiết-già. Sau khi ngồi vững vàng như vậy rồi, trong tâm không sanh tham lam, ưu sầu, các ác pháp bất thiện; đó gọi là chánh tri.

Nay A-nan, vị Tỳ-kheo ấy với tâm an trú trong trú xứ này, nếu muốn có suy niệm, Tỳ-kheo ấy đối với ba sự suy niệm về ác, bất thiện này là niệm dục, niệm nhuế và niệm hại, đừng suy niệm đến ba suy niệm ác, bất thiện ấy; đối với ba suy niệm thiện này là niệm vô dục, niệm vô nhuế và niệm vô hại, hãy suy niệm trên ba suy niệm thiện ấy. Sau khi suy niệm như vậy rồi, trong tâm không sanh tham lam, ưu sầu, các ác, bất thiện pháp; đó gọi là chánh tri.

Nay A-nan, vị Tỳ-kheo ấy với tâm an trú trong trú xứ này, nếu muốn luận bàn, Tỳ-kheo ấy luận bàn những gì không phải là Thánh luận, không tương ưng với lợi ích cứu cánh, tức là luận bàn về những vấn đề vua chúa, đạo tặc, đấu tranh, ẩm thực, áo chăn, đàn bà, đồng nữ, dâm nữ, thế gian, tà đạo, trong biển; vị ấy không bàn luận các loại súc sanh luận như vậy. Nếu có những vấn đề thuộc Thánh luận, tương ưng với cứu cánh, khiến tâm nhu hòa, không có những sự che đậy, tức là vấn đề thí, giới, định, giải thoát, giải thoát tri kiến, tiệm giảm, không tự hội, thiếu dục, tri túc, vô dục, đoạn diệt, tĩnh tọa, duyên khởi. Sau khi luận bàn những vấn đề mà Sa-môn luận bàn như vậy rồi, trong tâm không sanh tham lam, ưu sầu, các ác, bất thiện pháp; đó gọi là chánh tri.

Lại nữa, này A-nan, có năm diệu dục, khả lạc, khả ý, khả niệm, sắc ái lạc tương ưng với dục; đó là sắc được biết bởi mắt, tiếng được biết bởi tai, hương được biết bởi mũi, vị được biết bởi lưỡi, xúc được biết bởi thân. Tỳ-kheo với tâm chuyên chú, quán năm diệu dục này, tùy theo diệu dục ấy mà có hành ấy trong tâm. Vì sao vậy? Không trước, không sau, năm diệu dục này tùy theo diệu dục nào mà có hành ấy trong tâm. Này A-nan, Tỳ-kheo trong lúc quán, biết năm diệu dục này tùy theo diệu dục nào mà có hành ấy trong tâm. Tỳ-kheo ấy với diệu dục này hay diệu dục kia, quán là vô thường, quán suy hao, quán vô dục, quán đoạn, quán diệt, quán xả ly. Nếu năm diệu dục này có dục, bị nhiễm dục, chúng tức thì bị tiêu diệt. Này A-nan, nếu Tỳ-kheo khi quán như vậy, biết năm diệu dục này có dục và bị nhiễm dục, chúng đã bị đoạn trừ rồi; đó gọi là chánh tri.

Lại nữa, này A-nan, có năm thanh ấm, sắc thanh ấm, thọ, tưởng, hành, thức thanh ấm. Tỳ-kheo như vậy mà quán sát sự hưng suy, quán sát rằng: Đây là sắc, đây là sự tập khởi của sắc, đây là sự diệt tận của sắc; đây là thọ, tưởng, hành và thức; đây là thức, đây là sự tập khởi của thức, đây là sự diệt tận của thức. Nếu năm thanh ấm này có ngã mạn, nó liền bị tiêu diệt. Này A-nan, nếu Tỳ-kheo khi quán như vậy, biết trong năm thanh ấm, ngã mạn đã bị diệt trừ rồi; đó gọi là chánh tri.

Này A-nan, pháp này tuyệt đối khả ý, tuyệt đối khả lạc, tuyệt đối ý niệm, vô lậu, vô thủ, mà không đến gần được, ác không thể đến gần được; các ác pháp bất thiện ô uế, làm gốc rễ cho sự hữu trong tương lai, là phiền nhiệt, khổ báo, là nhân của sanh, già, bệnh, chết, cũng không thể đến gần được; tức là thành tựu sự không phóng dật này. Vì sao vậy? Nhân không phóng dật mà Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác chứng đắc giác ngộ; nhân gốc rễ không phóng dật mà phát sanh vô lượng thiện pháp, cho đến các trợ đạo phẩm. Cho nên, này A-nan, thầy phải học như vậy: “Ta cũng thành tựu nơi sự không phóng dật.” Hãy học như vậy!

Này A-nan, do nghĩa lợi nào mà một tín đệ tử đi theo Thế Tôn và phụng sự cho đến trọn đời?

Tôn giả A-nan bạch Thế Tôn:

– Thế Tôn là Pháp bổn, Thế Tôn là Pháp Chủ, pháp do Thế Tôn. Cúi mong Thế Tôn thuyết giảng điều đó! Con nay sau khi nghe xong sẽ được biết rộng ý nghĩa ấy.

Đức Phật bèn nói:

– Này A-nan, hãy lắng nghe, hãy khéo tư niệm, Ta sẽ khéo phân biệt đầy đủ cho thầy nghe!

Tôn giả A-nan vâng lời lắng nghe.

Đức Phật nói:

– Nay A-nan, không phải chỉ vì Chánh kinh, Ca vịnh, Ký thuyết mà một tín đệ tử đi theo Thế Tôn để phụng sự cho đến trọn đời. Nhưng nay A-nan, hoặc từ lâu vị ấy đã từng nghe pháp này, tụng tập đến cả ngàn lần, chuyên ý tư duy quán sát, thấy rõ, thấu triệt sâu xa. Nếu vấn đề này là Thánh luận, tương ưng với cứu cánh, khiến tâm nhu hòa, không có những che lấp, tức các vấn đề bổ thí, giới, định, tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến, tiệm giảm, không tụ hội, thiểu dục, tri túc, vô dục, đoạn diệt, tĩnh tọa, duyên khởi; những vấn đề mà Sa-môn luận bàn như vậy, được dễ dàng chứ không khó; do ý nghĩa này mà một tín đệ tử đi theo Thế Tôn để phụng sự cho đến trọn đời. Nay A-nan, như vậy là phiên lụy cho Tôn sư, phiên lụy cho đệ tử, phiên lụy cho các vị đồng Phạm hạnh.

Nay A-nan, thế nào là phiên lụy cho Tôn sư? Ở đây, một vị Tôn sư xuất thế có sách lược tư duy, an trú nơi chỗ sách lược tư duy mà quán sát các loại phạm nhân có biện tài; vị ấy đi đến nơi rừng vắng, trong rừng sâu, nơi gốc cây, hoặc ở trên sườn cao, vắng bật không tiếng động, lạnh xa, không có sự dữ, không có bóng người, tùy thuận mà tĩnh tọa, hoặc sống tại nơi đó mà học sự viễn ly, tinh cần, được tăng thượng tâm, sống an lạc ngay trong hiện tại. Vị ấy sau khi học sự viễn ly, tinh cần, sống an ổn, khoái lạc rồi, theo các đệ tử trở về với các Phạm chí, cư sĩ, phong ấp, quốc nhơn. Vị ấy sau khi theo đệ tử trở về với các Phạm chí, cư sĩ, phong ấp, quốc nhơn, bèn tự cao mà trở về nhà. Như vậy là làm phiên lụy cho Tôn sư và cũng là pháp ác, bất thiện, ô uế, là gốc rễ cho sự hữu trong tương lai, nhân của phiền nhiệt, khổ báo, sanh, già, bệnh, chết; đó là phiên lụy cho Tôn sư.

Nay A-nan, thế nào là phiên lụy cho đệ tử? Đệ tử của vị Tôn sư ấy học sự viễn ly của vị ấy; vị ấy sống nơi rừng vắng, trong rừng sâu, nơi gốc cây, hoặc ở trên sườn cao, vắng bật không tiếng động, xa lạnh, không có sự dữ, không có bóng người, tùy thuận mà tĩnh tọa, hoặc sống tại nơi đó mà học sự viễn ly, tinh cần, được tăng thượng tâm, sống an lạc ngay trong hiện tại. Vị ấy sau khi học sự viễn ly, tinh cần, sống an ổn, khoái lạc rồi, bèn theo đệ tử trở về với các Phạm chí, cư sĩ, phong ấp, quốc nhơn. Vị ấy sau khi theo đệ tử trở về với các Phạm chí, cư sĩ, phong ấp, quốc nhơn rồi, bèn tự cao mà trở về nhà. Như vậy là làm phiên lụy cho đệ tử và cũng là pháp ác, bất thiện, ô uế, là gốc rễ của sự hữu trong tương lai, nhân của phiền nhiệt, khổ báo, sanh, già, bệnh, chết; đó là phiên lụy cho đệ tử.

Nay A-nan, thế nào là phiên lụy cho các vị Phạm hạnh? Ở đây, đức Như Lai xuất thế, Ngài là bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn, Ngài sống nơi rừng vắng, trong rừng sâu, nơi gốc cây, hoặc ở trên sườn cao, vắng bật không tiếng động, xa lạnh, không có sự dữ, không có bóng người, tùy thuận mà tĩnh tọa.

Này A-nan, đức Như Lai vì nghĩa lợi nào mà sống nơi rừng vắng, trong rừng sâu, nơi gốc cây, hoặc ở trên sườn cao, vắng bật không tiếng động, xa lánh, không có sự dữ, không có bóng người, tùy thuận mà tĩnh tọa?

Tôn giả A-nan bạch đức Thế Tôn:

– Thế Tôn là Pháp môn, Thế Tôn là Pháp Chủ, pháp do Thế Tôn. Cúi mong Thế Tôn thuyết giảng điều ấy! Con nay sau khi nghe xong sẽ được biết rộng nghĩa ấy.

Đức Phật bèn nói:

– Này A-nan, hãy lắng nghe, hãy tư niệm, Ta sẽ phân biệt đầy đủ cho thầy nghe!

Tôn giả A-nan vâng lời lắng nghe.

Đức Phật nói:

– Này A-nan, Như Lai không phải vì để được những gì chưa được, thu hoạch những gì chưa thu hoạch, chứng ngộ những gì chưa chứng ngộ mà sống nơi rừng vắng, trong rừng sâu, nơi gốc cây, hoặc ở trên sườn cao, vắng bật không tiếng động, xa lánh, không có sự dữ, không có bóng người, tùy thuận mà tĩnh tọa. Này A-nan, vì hai ý nghĩa mà Như Lai sống nơi rừng vắng, trong rừng sâu, nơi gốc cây, hoặc ở trên sườn cao, vắng bật không tiếng động, xa lánh, không có sự dữ, không có bóng người, tùy thuận mà tĩnh tọa: Một là sống an lạc ngay trong hiện tại cho chính mình; hai là từ miễn đối với những người đời sau. Hoặc giả, đời sau người người noi theo Như Lai mà sống nơi rừng vắng, trong rừng sâu, nơi gốc cây, hoặc ở trên sườn cao, vắng bật không tiếng động, xa lánh, không có sự dữ, không có bóng người, tùy thuận mà tĩnh tọa. Này A-nan, chính vì nghĩa lợi này mà Như Lai sống trong rừng vắng, trong rừng sâu, nơi gốc cây, hoặc ở trên sườn cao, vắng bật không tiếng động, xa lánh, không có sự dữ, không có bóng người, tùy thuận mà tĩnh tọa; hoặc sống ở nơi đó mà học sự viễn ly, tinh cần, được tăng thượng tâm, sống an lạc ngay trong hiện tại. Như Lai sau khi được học sự viễn ly, tinh cần, sống an ổn, khoái lạc rồi, cùng các vị Phạm hạnh mà trở về với các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di. Như Lai sau khi cùng các vị Phạm hạnh trở về với các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di rồi, không tự cao mà không về nhà. Này A-nan, nếu vị ấy chứng ngộ bất động tâm giải thoát thì Ta không nói vị ấy có sự chướng ngại. Nhưng nếu vị ấy chứng đắc bốn tăng thượng tâm, sống an lạc trong hiện tại, vốn do trước kia sống tinh cần, không phóng dật, thời ở đây hoặc giả có thể bị thối thất vì sự tụ hội đông đảo nhiều đệ tử.

Lại nữa, này A-nan, đệ tử của Tôn sư ấy noi theo Tôn sư mà sống nơi rừng vắng, trong rừng sâu, nơi gốc cây, hoặc ở trên sườn cao, vắng bật không tiếng động, xa lánh, không có sự dữ, không có bóng người, tùy thuận mà tĩnh tọa; hoặc sống tại nơi đó mà học sự viễn ly, tinh cần, được tăng thượng tâm, sống

an lạc ngay trong hiện tại. Vị ấy sau khi học sự viễn ly, tinh cần, sống an ổn, khoái lạc rồi, theo các vị Phạm hạnh mà trở về với các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di. Vị ấy sau khi theo các vị Phạm hạnh trở về với các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di rồi, bèn tự cao mà trở về nhà. Như vậy là phiền lụy cho các vị Phạm hạnh và cũng là các pháp ác, bất thiện, là gốc rễ của sự hữu trong tương lai, nhân của phiền nhiệt, khổ báo, sanh, già, bệnh, chết; đó gọi là phiền lụy cho các vị Phạm hạnh.

Này A-nan, trong sự phiền lụy Tôn sư và đệ tử, sự phiền lụy cho các vị Phạm hạnh rất là bất khả, không khả lạc, không khả ái, rất là không khả ái, khả niệm. Cho nên này A-nan, các thầy đối với Ta, hãy hành sự từ hòa, đừng gây sự oán hận!

Này A-nan, thế nào là đệ tử đối với Tôn sư mà gây sự oán hận, không hành sự từ hòa? Nếu Tôn sư thuyết pháp cho đệ tử là vì thương yêu, lo lắng, mong cầu thiện lợi và phước lành, mong cầu sự an ổn, khoái lạc cho đệ tử mà phát khởi tâm từ bi và nói rằng: “Đây là điều hữu ích, đây là sự an lạc, đây là sự hữu ích an lạc.” Nếu đệ tử ấy không cung kính, cũng không tùy thuận theo, không an trú nơi chánh trí, tâm không hướng đến pháp tùy pháp hành, không thọ lãnh Chánh pháp, trái phạm những điều Tôn sư dạy, không được định; đệ tử như vậy là đối với Tôn sư mà gây sự oán hận, không hành sự từ hòa. Này A-nan, thế nào là đệ tử đối với Tôn sư hành sự từ hòa, không gây sự oán hận? Nếu Tôn sư thuyết pháp cho đệ tử nghe, thương yêu, lo lắng, mong cầu thiện lợi và an lành, mong cầu sự an ổn, khoái lạc cho đệ tử mà phát khởi tâm từ bi và nói rằng: “Đây là điều hữu ích, đây là sự an lạc, đây là sự hữu ích an lạc.” Nếu đệ tử thuận hành theo, an lập nơi chánh trí, tâm quy hướng đến pháp tùy pháp hành, thọ lãnh Chánh pháp, không trái phạm lời giáo huấn của Tôn sư, có thể được định; vị đệ tử như thế là đối với Tôn sư mà hành sự từ hòa, không gây sự oán hận.

Cho nên này A-nan, các thầy đối với Ta, hãy hành sự từ hòa, đừng gây sự oán hận. Vì sao vậy? Này A-nan, Ta không nói như vậy: “Như người thợ gốm làm đồ gốm.” Nhưng này A-nan, Ta nói: “Nghiêm khắc, khắc khổ.” Cái gì chắc thật, cái ấy đứng vững.

Đức Phật thuyết như vậy, Tôn giả A-nan và các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.